

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Lan Anh  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG, 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN LỘC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Lan Anh  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG, 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Lan Anh

Mã SV: 1412401338

Lớp: QT1807K

Ngành: Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
  - ✓ Tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập
  - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập
  - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn trong công tác hạch toán kế toán
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2015 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc
  - .....
  - .....
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc  
.....  
.....  
.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Hòa Thị Thanh Hương  
Học hàm, học vị: : Thạc sĩ  
Cơ quan công tác: : Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng  
Nội dung hướng dẫn : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....  
Học hàm, học vị:.....  
Cơ quan công tác:.....  
Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ..... tháng .... năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày .... tháng .... năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*ThS. Hòa Thị Thanh Hương*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- ✓ Chịu khó sưu tầm lựa chọn tài liệu phục vụ đề tài
- ✓ Ham học hỏi, thường xuyên trao đổi với giáo viên hướng dẫn
- ✓ Luôn hoàn thành vượt mức tiến độ của đề tài đã qui định
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp bố cục hợp lý, khoa học
  - ✓ Đã khái quát hóa lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 14/09/2006
  - ✓ Đánh giá được tình hình chung của đơn vị thực tập
  - ✓ Phản ánh được quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập với số liệu logic thể hiện được dòng chảy của số liệu
  - ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán của đơn vị thực tập trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp có tính khả thi, phù hợp với đơn vị, giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....điểm.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>BHTN</b>	Bảo hiểm thất nghiệp
<b>BHXH</b>	Bảo hiểm xã hội
<b>BHYT</b>	Bảo hiểm y tế
<b>DN</b>	Doanh nghiệp
<b>GTGT</b>	Giá trị gia tăng
<b>KC</b>	Kết chuyển
<b>PP</b>	Phương pháp
<b>TK</b>	Tài khoản
<b>TGNH</b>	Tiền gửi ngân hàng
<b>TM</b>	Tiền mặt
<b>TNDN</b>	Thu nhập doanh nghiệp
<b>TSCĐ</b>	Tài sản cố định
<b>TTĐB</b>	Tiêu thụ đặc biệt
<b>XK</b>	Xuất khẩu
<b>VNĐ</b>	Việt Nam đồng

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</b> .....	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp .....	2
<i>1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp</i> .....	2
<i>1.1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .....	2
<i>1.1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	5
<i>1.1.1.3 Giá vốn hàng bán</i> .....	6
<i>1.1.1.4 Chi phí quản lý kinh doanh</i> .....	6
<i>1.1.1.5 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính</i> .....	7
<i>1.1.1.6 Thu nhập, chi phí khác</i> .....	8
<i>1.1.1.7 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	9
1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong Doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	10
<i>1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .....	10
<i>1.2.1.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .....	10
<i>1.2.1.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> . 10	
<i>1.2.1.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .. 10	
<i>1.2.1.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .... 11	
<i>1.2.1 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	11
<i>1.2.1.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	11
<i>1.2.1.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	12
<i>1.2.1.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	12
<i>1.2.1.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	12
<i>1.2.3 Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán</i> .....	13
<i>1.2.3.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán giá vốn hàng bán</i> .....	13
<i>1.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán giá vốn hàng bán</i> .....	13
<i>1.2.3.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán giá vốn hàng bán</i> .....	13
<i>1.2.3.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán giá vốn hàng bán</i> .....	14



1.2.4	Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	15
1.2.4.1	Chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	15
1.2.4.2	Tài khoản sử dụng trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	15
1.2.4.3	Kết cấu tài khoản trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	15
1.2.4.4	Sơ đồ hạch toán trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	16
1.2.5	Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .....	17
1.2.5.1	Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	17
1.2.5.2	Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	18
1.2.6	Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác .....	21
1.2.6.1	Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác .....	21
1.2.7	Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.7.1	Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.7.2	Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.7.3	Kết cấu tài khoản trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.7.4	Sơ đồ hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	24
1.3	Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp .....	25
1.3.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	25
1.3.2	Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái .....	26
1.3.3	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	28
1.3.3	Hình thức kế toán trên máy tính .....	29
	<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIÊN LỘC .....</b>	<b>31</b>
2.1	Tổng quan về Công ty TNHH Thiên Lộc .....	31
2.1.1	Khái quát về Công ty TNHH Thiên Lộc .....	31
2.1.1.1	Khái quát về Công ty TNHH Thiên Lộc .....	31
2.1.1.2	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thiên Lộc .....	31
2.1.1.3	Những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH Thiên Lộc .....	32
2.1.2	Đặc điểm tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Thiên Lộc .....	33
2.1.3	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc .....	35
2.1.3.1	Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	35
2.1.3.2	Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	36

2.1.3.3 Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	37
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc.....	37
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	37
2.2.1.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	38
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	38
2.2.1.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	38
2.2.1.4 Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	38
2.2.1.5 Ví dụ minh họa .....	39
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	44
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	44
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	44
2.2.2.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	44
2.2.2.4 Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thiên Lộc....	44
2.2.2.5 Ví dụ minh họa .....	45
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	48
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	48
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	48
2.2.3.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	48
2.2.3.4 Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	48
2.2.3.5 Ví dụ minh họa .....	49
2.2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	55
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	55
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	55
2.2.4.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	55
2.2.4.4 Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	55
2.2.4.5 Ví dụ minh họa .....	56

2.2.5. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	63
2.2.6. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	63
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	63
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	63
2.2.6.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	63
2.2.6.4 Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	63
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIÊN LỘC.....</b>	<b>73</b>
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	73
3.2 Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	74
3.2.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	74
3.2.2 Những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	75
3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	76
3.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên sử dụng hệ thống tài khoản kế toán cấp 2 trong hạch toán doanh thu, chi phí để xác định KQKD theo từng dịch vụ. ....	76
3.3.2 Ý kiến thứ hai: Công ty nên lập báo cáo KQKD theo từng dịch vụ.....	77
3.3.4 Ý kiến thứ tư: Công ty nên mở sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng theo từng ngân hàng .....	85
3.3.5 Ý kiến thứ năm: Công ty nên sử dụng phần mềm tin học trong công tác kế toán .....	89
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>93</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>94</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp trong doanh nghiệp .....	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp khấu trừ trong doanh nghiệp .....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp	12
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên trong doanh nghiệp .....	14
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ trong doanh nghiệp .....	15
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp .....	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp .....	18
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp .....	20
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác trong doanh nghiệp .....	22
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác trong doanh nghiệp .....	23
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong doanh nghiệp .....	24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	25
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung .....	26
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái .....	28
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	29
Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính .....	30
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	34
Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	35
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ Nhật ký chung tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	37
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	38
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc .....	44
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	49
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	56

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	64
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ chữ T hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc .....	65

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Một số kết quả tài chính của Công ty TNHH Thiên Lộc trong 2 năm gần đây: .....	33
Biểu số 2.2: Bảng kê số 08/2015.....	40
Biểu số 2.3: HĐ GTGT 926 ngày 10 tháng 12 năm 2015 .....	41
Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung.....	42
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511 .....	43
Biểu số 2.6: Phiếu kế toán số 11/12 .....	45
Biểu số 2.7: Sổ nhật ký chung.....	46
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632 .....	47
Biểu số 2.9: HĐ GTGT số 1602.....	50
Biểu số 2.10: Phiếu chi.....	51
Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 1143 .....	52
Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung.....	53
Biểu số 2.13: Sổ cái TK 642 .....	54
Biểu số 2.14: Giấy báo Có của ngân hàng TMCP Thương Tín.....	57
Biểu số 2.15: Sổ nhật ký chung.....	58
Biểu số 2.16: Sổ cái TK 515 .....	59
Biểu số 2.17: Giấy báo nợ của ngân hàng VietcomBank ngày 25 tháng 12 năm 2015 .....	60
Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.19: Sổ cái TK 635 .....	62
Biểu số 2.20: Bảng kê xác định kết quả kinh doanh năm 2015 .....	64
Biểu số 2.21: Phiếu kế toán số 12/12 .....	65
Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 13/12 .....	66
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 14/12 .....	66
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 15/12 .....	67
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 16/12 .....	67
Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911 .....	69
Biểu số 2.28: Sổ cái TK 821 .....	70
Biểu số 2.29: Sổ cái TK 421 .....	71
Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả kinh doanh .....	72

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu 5113.1 .....	78
Biểu số 3.2: Sổ chi tiết doanh thu 5113.2 .....	79
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết giá vốn 632.1 .....	80
Biểu số 3.4: Sổ chi tiết giá vốn 63.2 .....	81
Biểu số 3.5: Báo cáo KQKD theo từng dịch vụ.....	82
Biểu số 3.6: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán).....	83
Biểu số 3.7: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán) .....	84
Biểu số 3.8: Sổ chi tiết theo tài khoản.....	86
Biểu số 3.9: Bảng tổng hợp theo tài khoản .....	87

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời buổi nền kinh tế hiện đại Công nghiệp hóa- hiện đại hóa hiện nay thì sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là không thể tránh khỏi. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự chủ về kinh tế và tài chính mới có thể đứng vững trong nền kinh tế đầy biến động hiện nay. Có thể nói kế toán chính là cánh tay đắc lực trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức, đưa ra quyết định đúng đắn để giúp doanh nghiệp có những giải pháp tốt nhất về tình hình tài chính, nâng cao doanh thu, các loại chi phí sẽ giảm, tạo ra lợi nhuận lớn nhất cho doanh nghiệp (DN).

Sau quá trình thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Thiên Lộc, dưới sự giúp đỡ của các anh chị phòng Tài chính- Kế toán, cùng sự hướng dẫn của ThS Hòa Thị Thanh Hương, em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận bao gồm 3 chương :

- ✓ CHƯƠNG 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
- ✓ CHƯƠNG 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc.
- ✓ CHƯƠNG 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc.

Thời gian thực tập 6 tuần tại công ty không dài cũng không ngắn, nhưng đã giúp em nâng cao kiến thức chuyên môn và thực tế. Dù vậy do kinh nghiệm và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em mong thầy, cô tận tình chỉ bảo và giúp đỡ em để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Sinh viên

Nguyễn Thị Lan Anh



# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

## 1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

### 1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

#### 1.1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

#### **a) Doanh thu bán hàng**

✓ Theo chuẩn mực kế toán số 14 thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm của hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✓ Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

✓ *Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp*

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Theo hình thức này, việc thu tiền và giao hàng cho bên mua không tách rời nhau. Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách hàng. Hết ngày hoặc ca bán, nhân viên bán hàng có nhiệm vụ nộp tiền cho thủ quỹ và lập báo cáo bán hàng sau khi đã kiểm kê hàng tồn trên quầy.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hóa của mình để đổi lấy sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp khác hay còn gọi là phương thức thanh toán bù trừ lẫn nhau. Khi đó ở doanh nghiệp vừa phát sinh nghiệp vụ bán hàng vừa phát sinh nghiệp vụ mua hàng.

- **Phương thức bán hàng đại lý:** Là hình thức bán hàng mà doanh nghiệp giao cho các đơn vị hoặc cá nhân bán hộ phải trả hoa hồng cho họ, số hàng giao vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Hoa hồng đại lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng (GTGT) (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) hoặc thanh toán bao gồm cả GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT) và được hạch toán vào chi phí bán hàng.

- **Phương thức bán hàng trả góp:** Là phương thức người mua hàng trả ngay một phần tiền hàng và trả góp số tiền còn lại trong nhiều kỳ. Trong trường

hợp này doanh thu bán hàng vẫn tính theo doanh thu bán lẻ bình thường, phần tiền người mua trả góp thì phải trả lãi cho số tiền góp đó.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Là phương thức bán hàng các đơn vị thành viên trong cùng doanh nghiệp với nhau giữa đơn bị chính với các đơn vị trực thuộc hoặc sử dụng sản phẩm, hàng hóa cho mục đích biếu tặng, quảng cáo hay để trả công cho người lao động thay tiền lương.

- **Phương thức bán lẻ hàng hóa:** Là phương thức bán hàng mà trong đó tách rời nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua. Có 4 hình thức bán lẻ:

+ *Hình thức bán hàng thu tiền trực tiếp:* Nhân viên bán hàng trực tiếp bán hàng cho khách và thu tiền.

+ *Hình thức bán hàng thu tiền tập trung:* Khách hàng nhận giấy thu tiền, hóa đơn hoặc tích kê của nhân viên bán hàng rồi đến nhận hàng ở quầy hoặc kho. Nhân viên bán hàng căn cứ vào hóa đơn, tích kê để kiểm kê số hàng bán ra trong ngày.

+ *Hình thức bán hàng tự phục vụ:* Khách hàng tự chọn hàng hóa và trả tiền cho nhân viên bán hàng. Hết ngày nhân viên bán hàng nộp tiền vào quỹ.

+ *Hình thức bán hàng tự động:* Hình thức này không cần nhân viên bán hàng đứng quầy giao hàng và nhận tiền của khách. Khách hàng tự động nhét thẻ tín dụng của mình vào máy bán hàng và nhận hàng (Hình thức này chưa phổ biến rộng rãi ở nước ta nhưng ngành xăng dầu cũng đã bắt đầu áp dụng bằng việc tạo ra một số cây xăng bán hàng tự động ở các trung tâm thành phố lớn).

### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

✓ *Theo chuẩn mực số 14 thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  - Xác định được phần công việc đã được hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### 1.1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu: Là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với khối lượng lớn và thoả thuận bên bán cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do mua sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp kém chất lượng, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- **Hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành sản phẩm: Hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại
- **Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):** Là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- **Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB):** Là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- **Thuế Xuất Khẩu (XK):** Là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép XK.

### 1.1.1.3 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư....

✓ *Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:*

- **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:** Giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

- **Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO):** Áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):** Áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp tính theo giá đích danh:** Áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

### 1.1.1.4 Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh: Là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành.... và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về

lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

#### *1.1.1.5 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính*

##### *❖ Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền bản quyền, tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN.

##### *✓ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:*

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

*✓ Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

▪ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.

▪ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

▪ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

▪ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

▪ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ *Chi phí hoạt động tài chính*

Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn....

✓ *Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:*

- Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.
- Các khoản lỗ do nhượng bán, thanh lý các khoản đầu tư.
- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, khoản vay ngắn hạn và dài hạn.
- Chi phí về mua bán ngoại tệ.
- Chi phí về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.
- Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

1.1.1.6 *Thu nhập, chi phí khác*

❖ *Thu nhập khác*

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu về nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ), thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

❖ *Chi phí khác*

Chi phí khác: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác.
- Bị phạt thuế, chi nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

*1.1.1.7 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh*

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Là xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- ✚ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.
- ✚ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.
- ✚ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác
- ✚ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.
- ✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.



✚ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong Doanh nghiệp nhỏ và vừa**

### **1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### *1.2.1.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

- Hợp đồng cung cấp, hợp đồng mua bán, giấy cam kết.
- Hoá đơn GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp (PP) khấu trừ)
  - Hoá đơn bán hàng (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc kinh doanh những mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT)
  - Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý
  - Báo cáo bán hàng, Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ, Bảng thanh toán hàng đại lý (ký gửi)
  - Thẻ quầy hàng, Giấy nộp tiền, Bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày
  - Phiếu thu, Giấy báo Có...
  - Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.2.1.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
  - + TK 51147: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118: Doanh thu khác

#### *1.2.1.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

##### **❖ Bên Nợ**

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK...)
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Các khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.

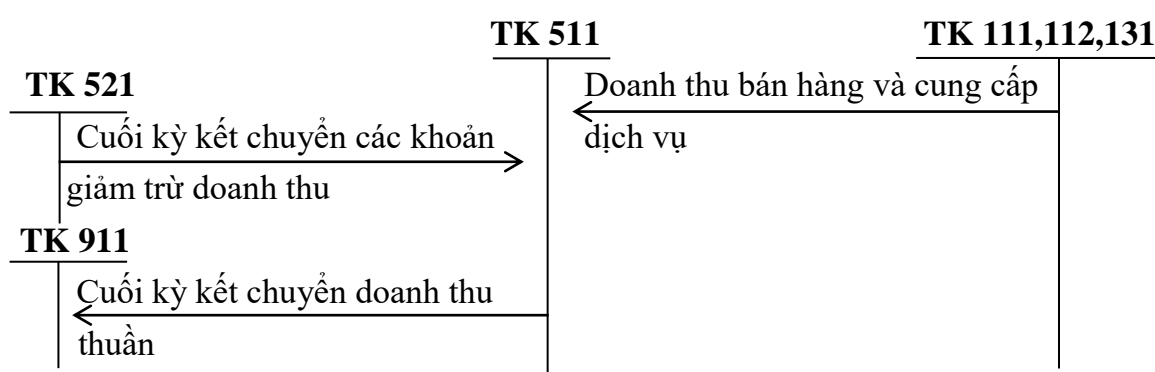
❖ **Bên Có**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp được thực hiện trong kỳ kế toán.

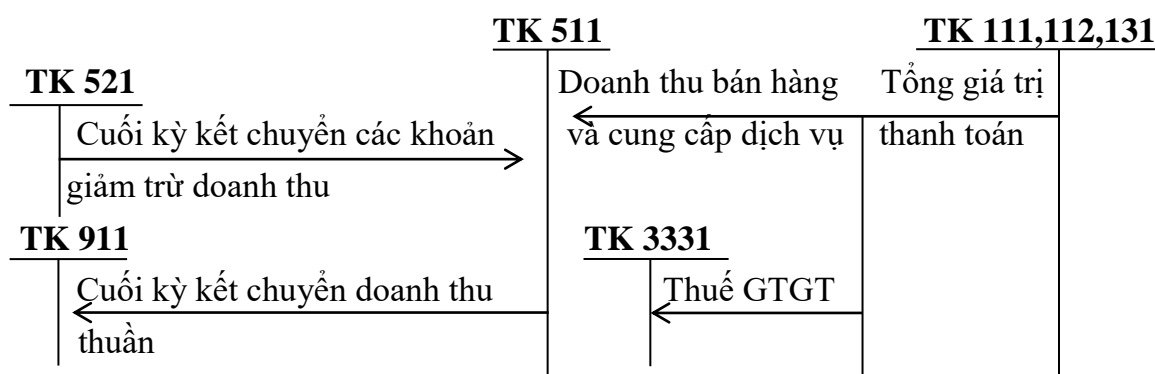
❖ **Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ**

**1.2.1.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát qua **sơ đồ 1.1** và **sơ đồ 1.2** như sau:



**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp trong doanh nghiệp**



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp khấu trừ trong doanh nghiệp**

**1.2.1 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.2.1.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

1.2.2.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

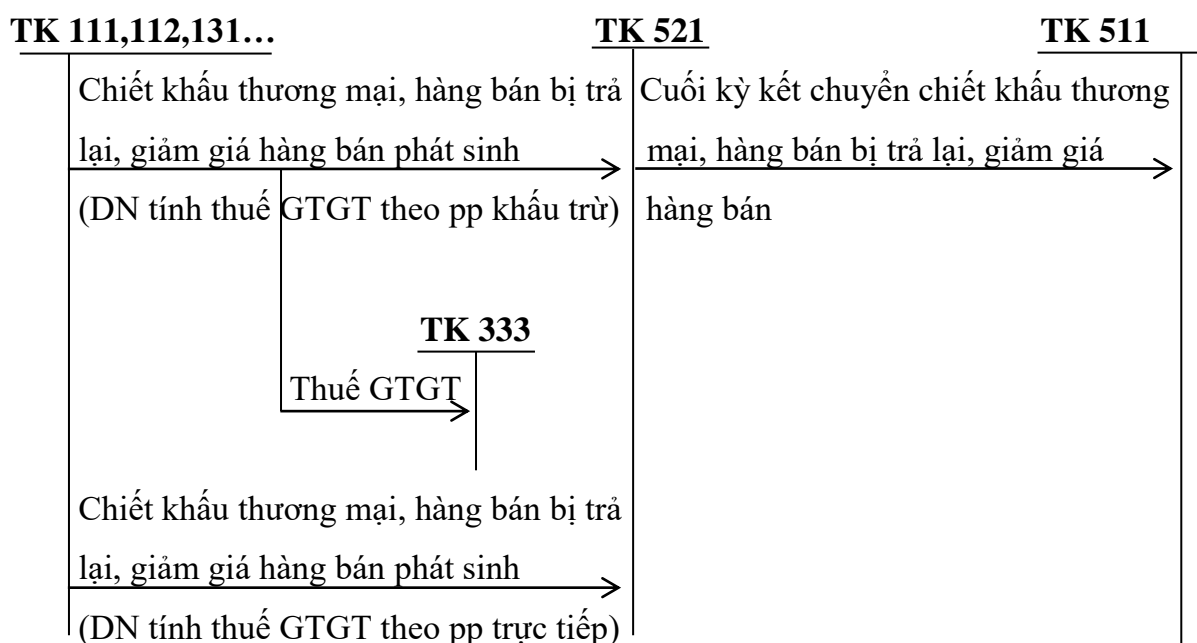
❖ **Bên Có**

- Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

❖ **Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ**

1.2.2.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

### **1.2.3 Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán**

#### **1.2.3.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán giá vốn hàng bán**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **1.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán giá vốn hàng bán**

- TK 632: Giá vốn hàng bán

#### **1.2.3.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán giá vốn hàng bán**

### **a) Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh)**

#### **❖ Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
  - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
  - Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định do vượt mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### **❖ Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911.
  - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
  - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
  - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

#### **❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

### **b) Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại)**

❖ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

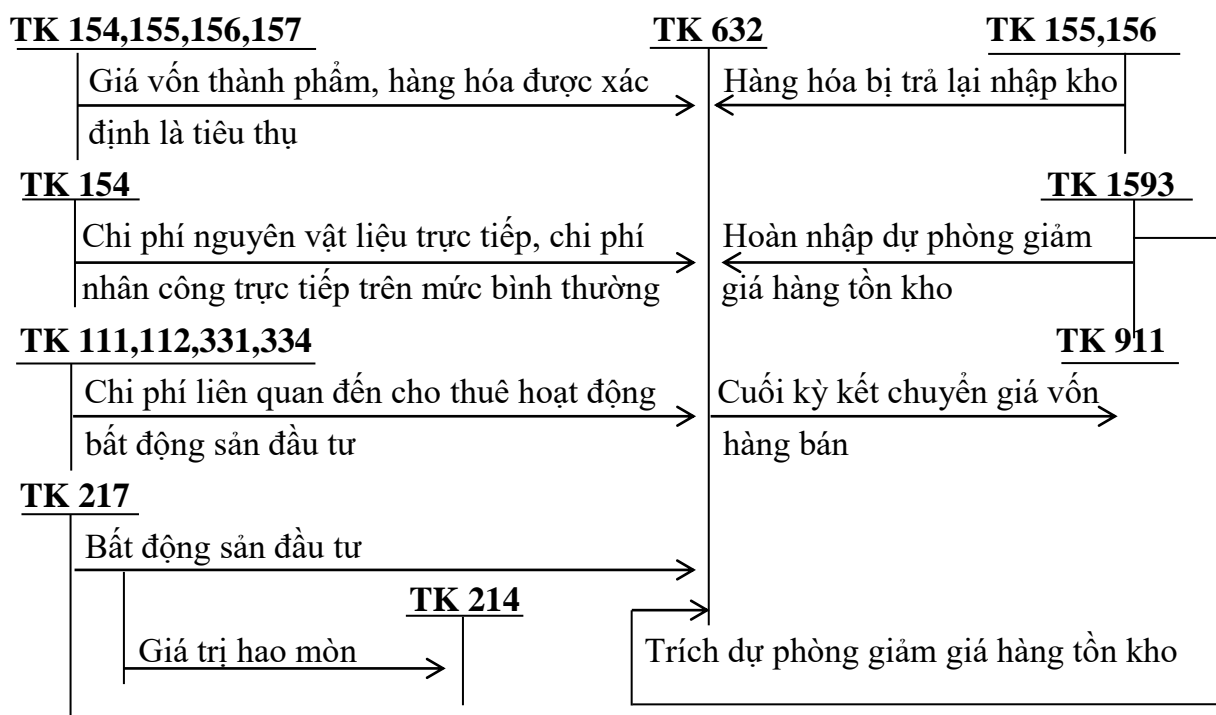
❖ **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911.

❖ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

**1.2.3.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán giá vốn hàng bán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp được khái quát qua **sơ đồ 1.4** và **sơ đồ 1.5** như sau:



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên trong doanh nghiệp**

<b>TK 155,156</b>	<b>TK 632</b>	<b>TK 155,156</b>
Đầu kỳ kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa tồn kho đầu kỳ	→	Cuối kỳ kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ
<b>TK 157</b> Đầu kỳ kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã gửi đi bán chưa xác định là tiêu thụ đầu kỳ	→	Cuối kỳ kết chuyển trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ
<b>TK 611</b> Cuối kỳ xác định và kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán được xác định là tiêu thụ (DN thương mại)	→	
<b>TK 631</b> Cuối kỳ xác định và kết chuyển giá thành của thành phẩm, hàng hóa hoàn thành nhập kho, giá thành dịch vụ đã hoàn thành (DN sản xuất và kinh doanh dịch vụ)	→	<b>TK 911</b> Cuối kỳ kết chuyển trị giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ được tiêu thụ trong kỳ

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ trong doanh nghiệp**

#### 1.2.4 Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh

##### 1.2.4.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

##### 1.2.4.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2 bao gồm:

- 6421: Chi phí bán hàng
- 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

##### 1.2.4.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh

###### ❖ Bên Nợ

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ

○ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

○ Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

❖ **Bên Có**

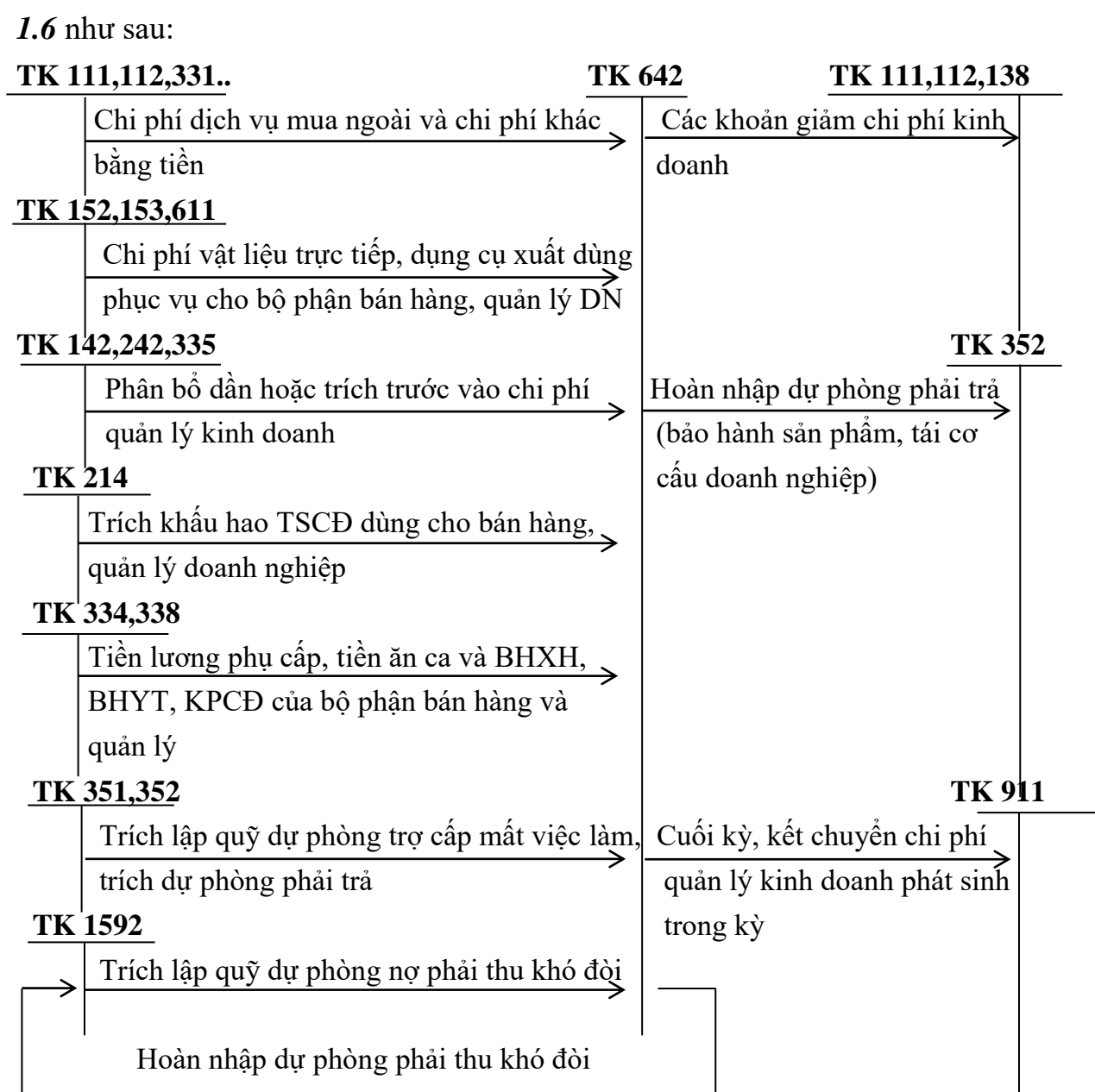
○ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

○ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911

❖ **Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ**

**1.2.4.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Phương pháp hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua **sơ đồ 1.6** như sau:



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.5 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

#### **1.2.5.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

##### **1.2.5.1.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

##### **1.2.5.1.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

##### **1.2.5.1.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

###### **❖ Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

###### **❖ Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

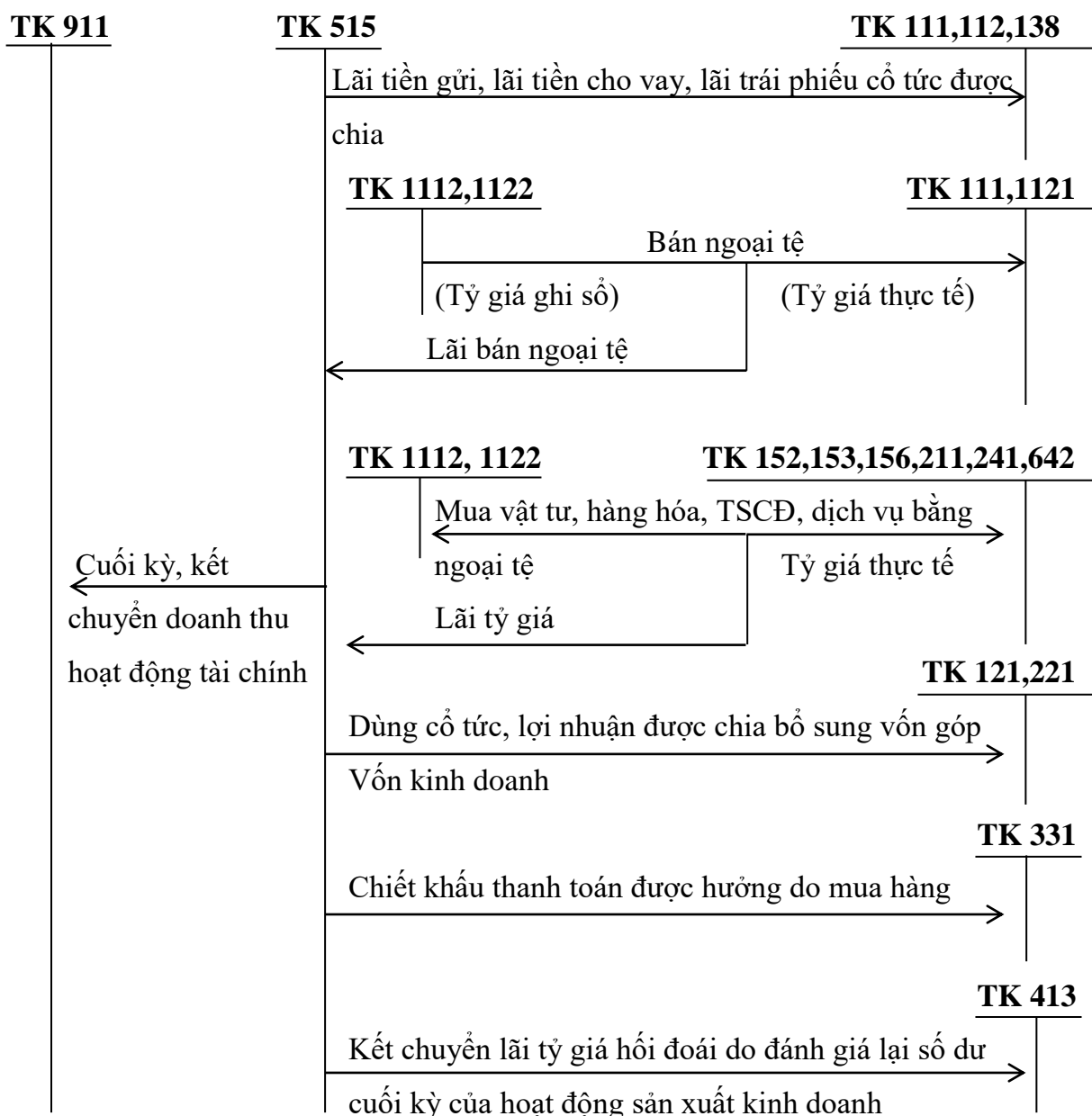
###### **❖ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ**

##### **1.2.5.1.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được khái quát qua **sơ đồ**

**1.7** như sau:





**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp**

### 1.2.5.2 Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính

#### 1.2.5.2.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.5.2.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán chi phí hoạt động tài chính

- TK 635: Chi phí tài chính

### 1.2.5.2.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán chi phí hoạt động tài chính

#### ❖ **Bên Nợ**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

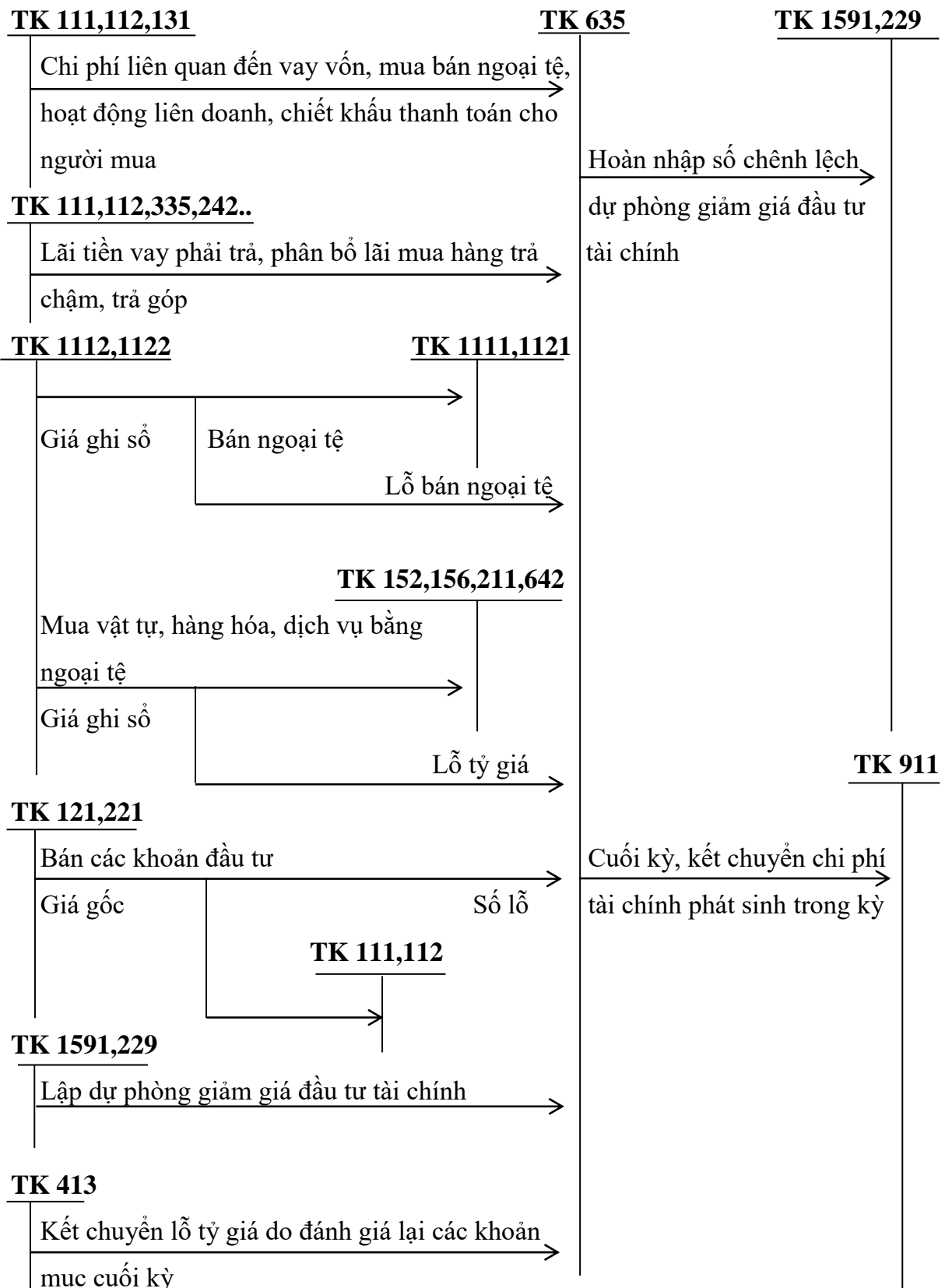
#### ❖ **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

#### ❖ **Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ**

### 1.2.5.2.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.8** như sau:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

## **1.2.6 Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác**

### **1.2.6.1 Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác**

#### **1.2.6.1.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán thu nhập khác**

- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **1.2.6.1.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán thu nhập khác**

- TK 711: Thu nhập khác

#### **1.2.6.1.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán thu nhập khác**

##### **❖ Bên Nợ**

○ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

○ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911

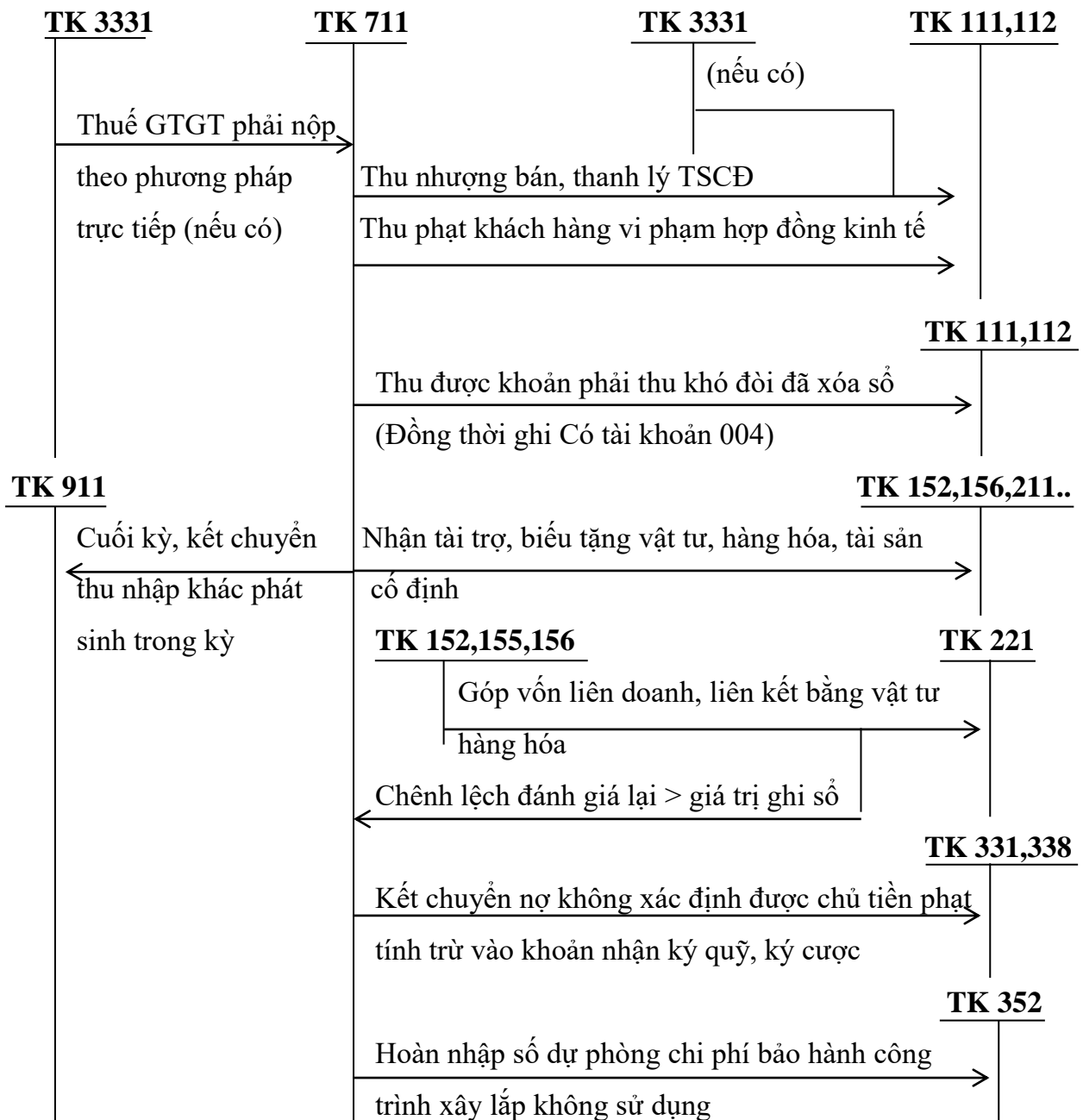
##### **❖ Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

##### **❖ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**

#### **1.2.6.1.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán thu nhập khác**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được khái quát qua **sơ đồ 1.9** như sau:



**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác trong doanh nghiệp**

### 1.2.6.2 Tổ chức công tác kế toán chi phí khác

#### 1.2.6.2.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí khác

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.6.2.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán chi phí khác

- TK 811: Chi phí khác

### 1.2.6.2.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán chi phí khác

❖ **Bên Nợ**

- Các khoản phát sinh khác

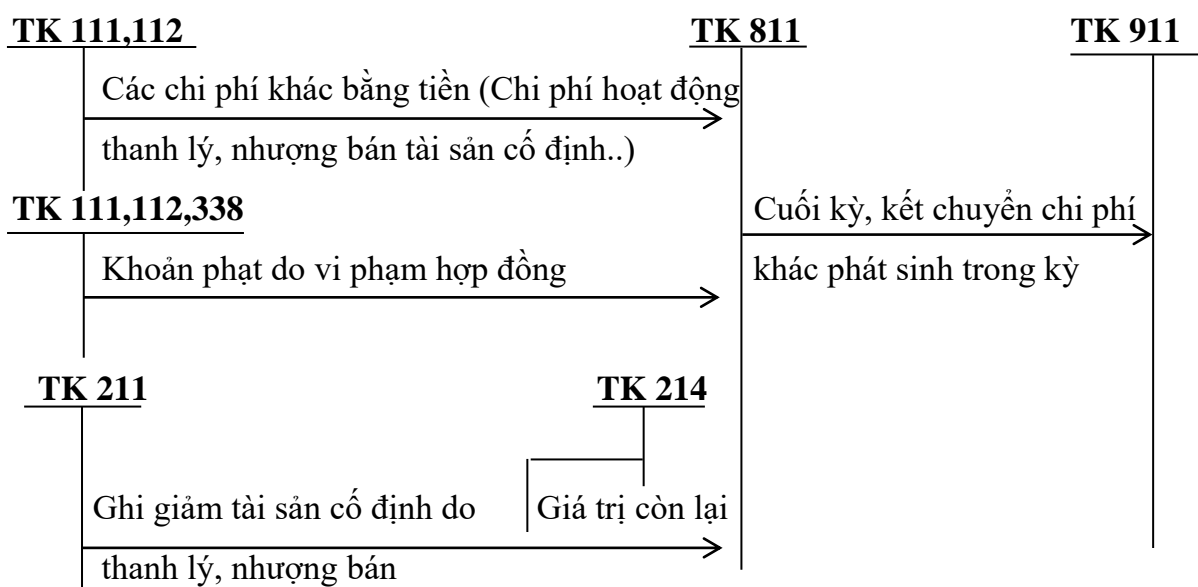
❖ **Bên Có**

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911

❖ **Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ**

### 1.2.6.2.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán chi phí khác

Phương pháp hạch toán chi phí khác được khái quát qua **sơ đồ 1.10** như sau:



**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác trong doanh nghiệp**

### 1.2.7 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.7.1 Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.7.2 Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.7.3 Kết cấu tài khoản trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

##### Tài khoản 821

❖ **Bên Nợ**

- Phát sinh thuế TNDN trong kỳ

- Xác định chi phí thuế TNDN trong kỳ
- ❖ **Bên Có**
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN trong kỳ
- ❖ **Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ**

Tài khoản 911

❖ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

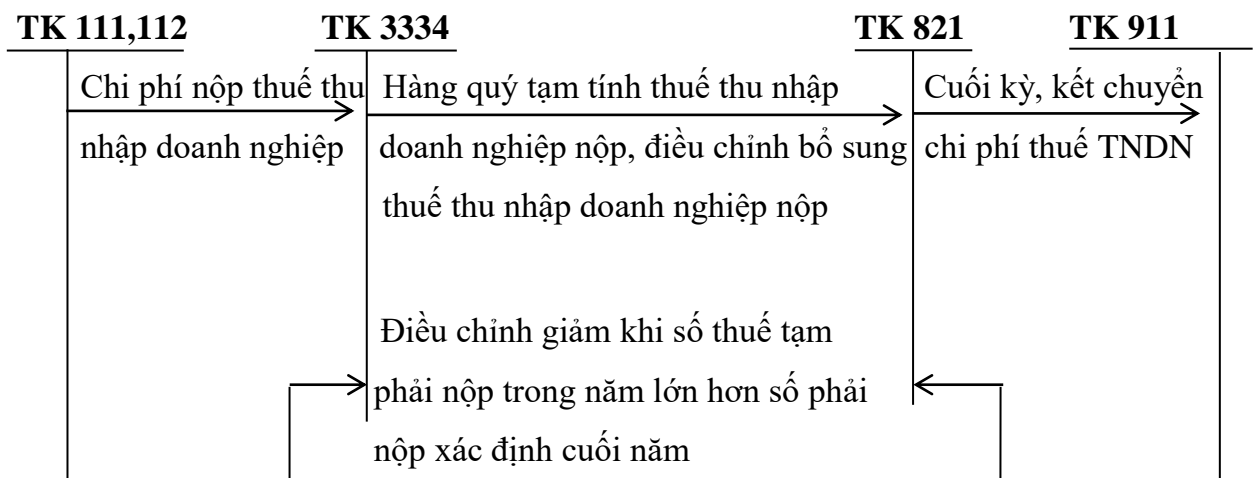
❖ **Bên Có**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ.

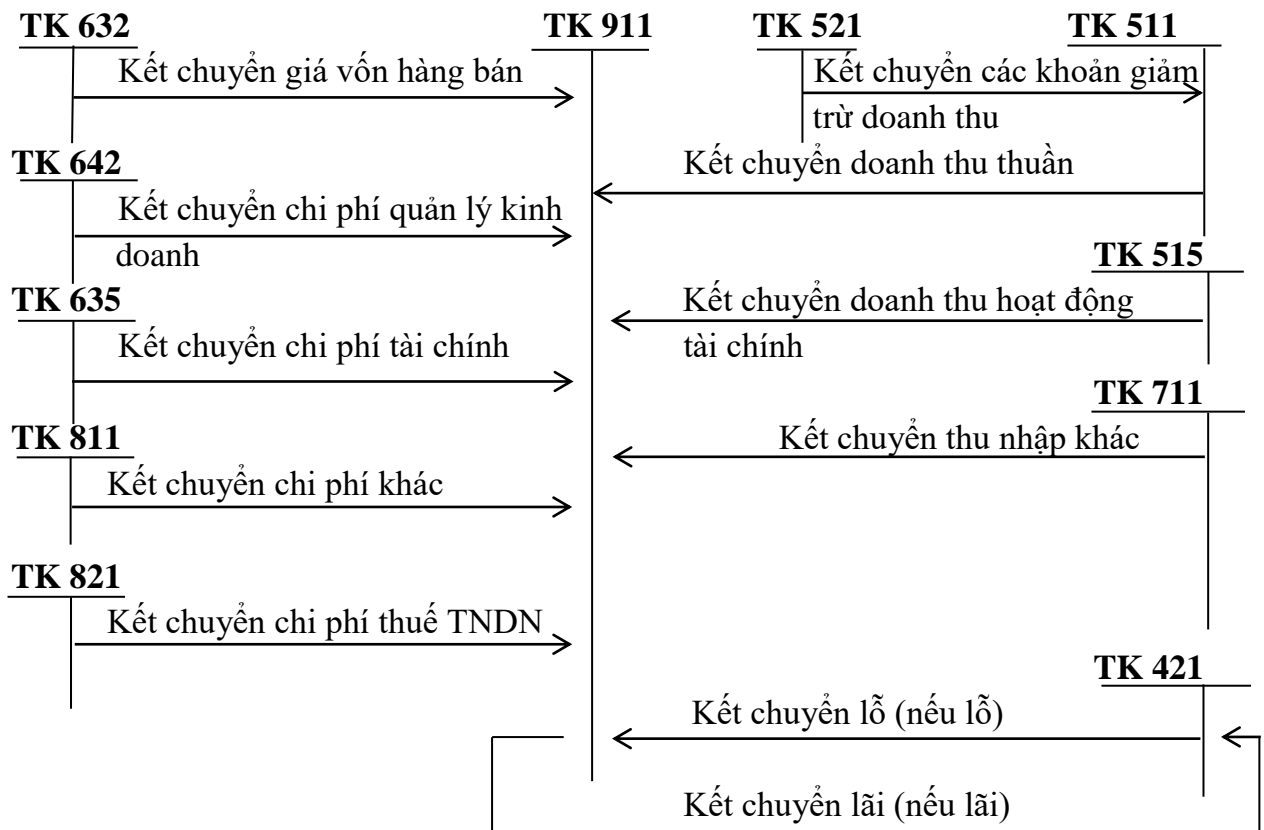
❖ **Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ**

1.2.7.4 Sơ đồ hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua **sơ đồ 1.11** và **sơ đồ 1.12** như sau:



**Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong doanh nghiệp**



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

### 1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

#### 1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

– Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số



liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

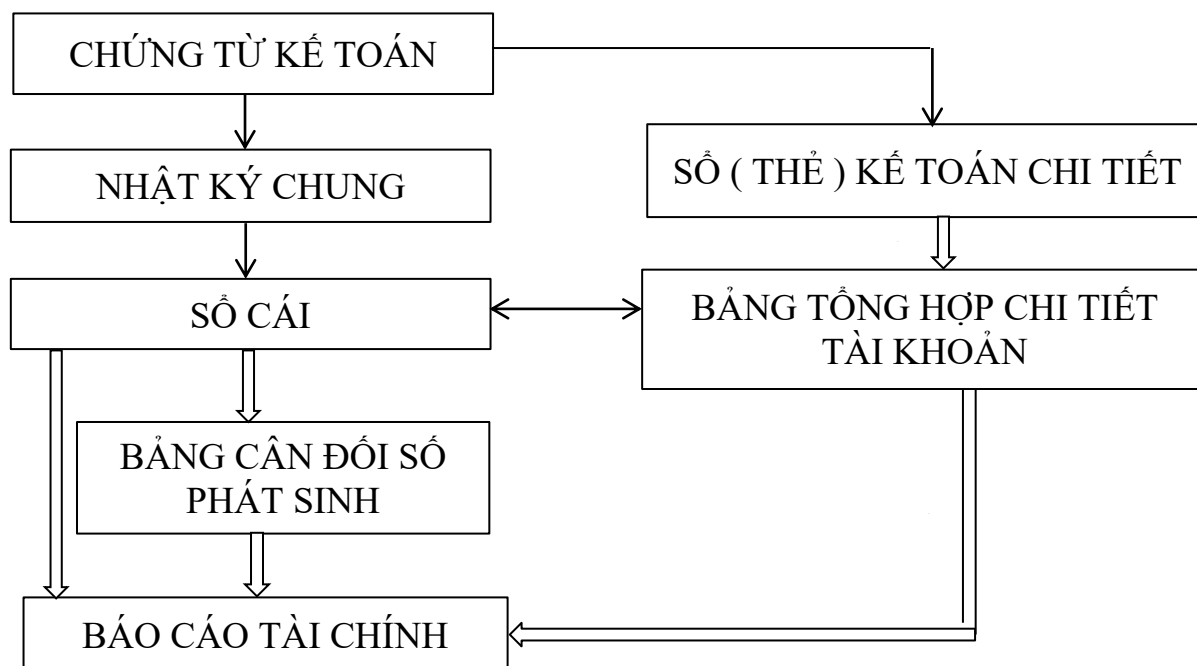
- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- ✓ Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- ✓ Sổ Cái
- ✓ Sổ, thẻ chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

➤ Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

➤ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



**Chú thích:**

- > Ghi thường xuyên
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←=====> Đối chiếu, kiểm tra số liệu

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

**1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái**

❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều dc ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ nhật ký – Sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

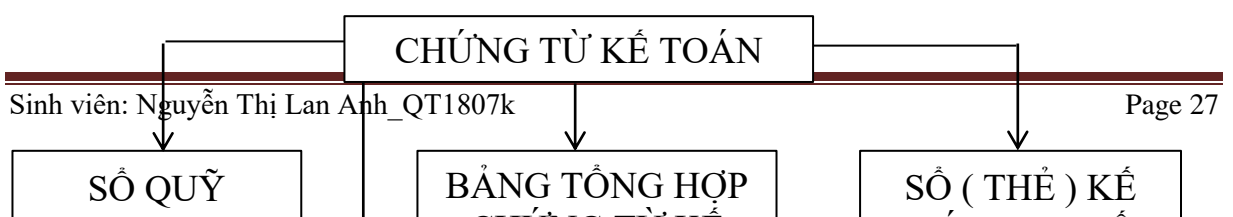
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- ✓ Sổ Nhật ký- Sổ cái
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

➤ Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái.

➤ Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



**Chú thích:**

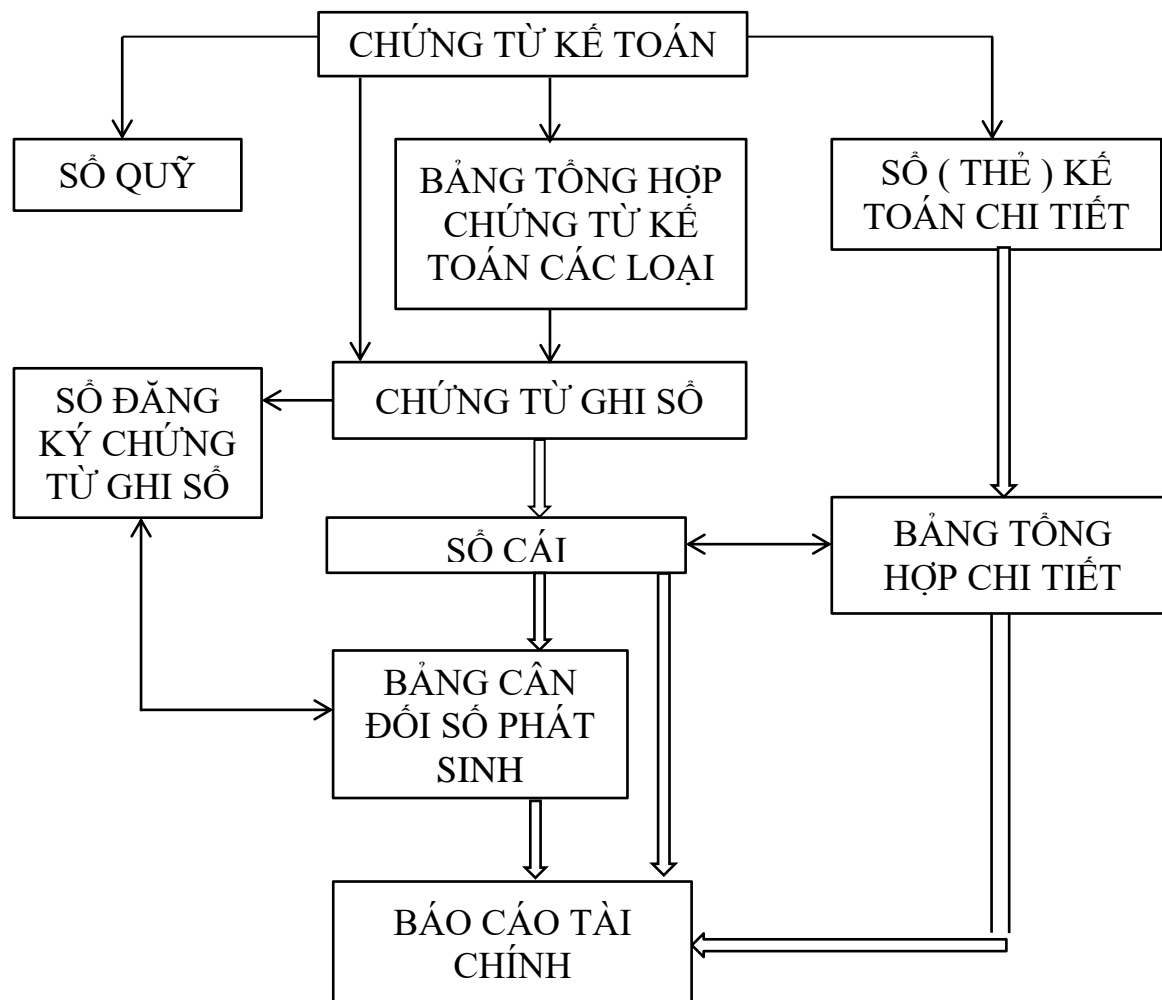
- Ghi thường xuyên
- ════════→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←════════ Ghi đôi chiều, kiểm tra số liệu

***Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái***

***1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ***

- ❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
  - Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
    - Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:
      - ✓ Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
      - ✓ Sổ cái
      - ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- ❖ Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
  - Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái.

➤ Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.



**Chú thích:**

- > Ghi thường xuyên
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- =====<=====> Đối chiếu, kiểm tra số liệu

**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**1.3.3 Hình thức kế toán trên máy tính**

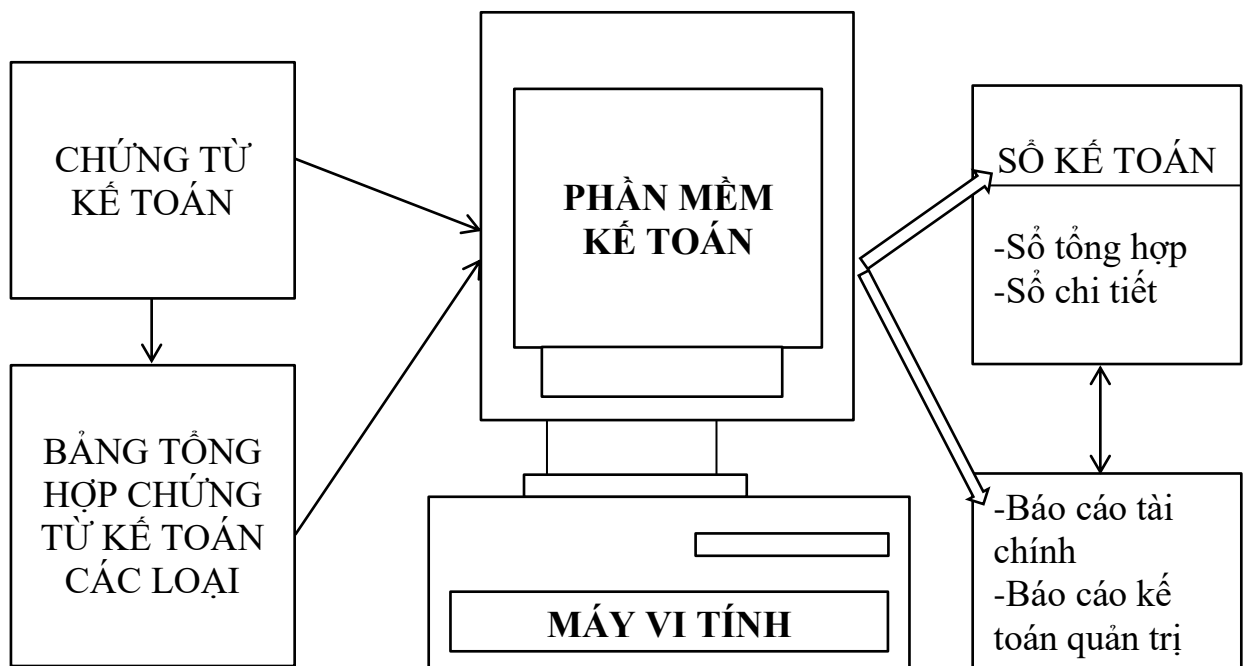
- ❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy tính
  - Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định

trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán vào báo cáo tài chính theo quy định.

❖ Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính

➤ Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

➤ Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



**Chú thích:**

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- =====<==== Kiểm tra, đối chiếu số liệu

**Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính**

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIÊN LỘC**

### **2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thiên Lộc**

#### **2.1.1 Khái quát về Công ty TNHH Thiên Lộc**

##### **2.1.1.1 Khái quát về Công ty TNHH Thiên Lộc**

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH THIÊN LỘC**
- Tên giao dịch quốc tế: **THIEN LOC LIMITED COMPANY**
- Tên viết tắt: **THIEN LOC CO.,LTD**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 92 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200682913 (20-10-2009)
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên
- Người đại diện pháp lý: Trần Quốc Bình

##### **2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thiên Lộc**

Công ty TNHH Thiên Lộc được thành lập theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14-09-2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty TNHH Thiên Lộc trải qua 10 năm hình thành và phát triển. Tuy thời gian chưa dài nhưng đã có một hình ảnh và uy tín tốt đẹp, mặc dù thị trường luôn có những sự cạnh tranh khốc liệt về giá cả, phẩm chất hàng hóa, chất lượng phục vụ. Nhưng công ty không những giữ vững được thị trường mà còn luôn phát triển và lớn mạnh đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, doanh thu hàng năm tăng 1,5 đến 2 lần so với năm trước, đảm bảo khả năng thu hồi vốn để tái đầu tư mở rộng. Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, giữ vững được mối quan hệ tốt đẹp với các bạn hàng và khai thác những khách hàng tiềm năng cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.

Là doanh nghiệp kinh doanh nên Công ty luôn đề cao mục tiêu chính: Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển. Và phương châm “*Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi*”. Chính vì vậy công ty luôn đảm bảo đa dạng các chủng loại hàng hóa cùng với một đội ngũ xe vận tải...sẵn sàng phục vụ khách hàng mọi lúc mọi nơi.

**\*Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty TNHH Thiên Lộc**

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường thủy, đường bộ
- Dịch vụ giao nhận, cho thuê tàu, phương tiện vận tải
- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

**2.1.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH Thiên Lộc**

Trong nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ và có nhiều biến động như hiện nay thì các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Thiên Lộc nói chung cũng gặp những thuận lợi và khó khăn riêng.

Mặc dù có những khó khăn về nguồn vốn, thuê mặt bằng đầu tư dây chuyền sản xuất...nhưng công ty luôn đảm bảo quyền lợi và chế độ của người lao động, thu nhập của người lao động luôn ổn định, chăm lo phát triển nguồn nhân lực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ được chú trọng đúng mức.

Mặt khác là đơn vị kinh doanh trong điều kiện vốn liếng khó khăn các ngân hàng trên địa bàn đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp cận được các nguồn vốn phục vụ cho công tác kinh doanh. Yếu tố khách quan cũng đã tác động không nhỏ như giá xăng dầu, điện, nước sản xuất và những thay đổi của Bộ Giao thông Vận tải về việc điều khiển xe đầu kéo phải có giấy phép lái xe hạng FC. Công ty cũng đã có những lộ trình điều chỉnh kịp thời để phù hợp khả năng ngành nghề kinh doanh, cũng như phối hợp với Sở Giao thông Vận tải Hải Phòng tổ chức sát hạch thi giấy phép lái xe FC, tính đến thời điểm hiện nay một số doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hoá trong tỉnh nói riêng và cả nước nói chung đang khó khăn trong việc thi sát hạch lái xe hạng FC cho đội ngũ lái xe thì công ty 100% lái xe đầu kéo đã có giấy phép lái xe hạng FC nên việc vận

chuyển, giao nhận hàng hoá được thuận lợi trên mọi miền Tổ quốc. Sự cạnh tranh của các công ty kinh doanh cùng ngành nghề cũng là một thử thách lớn đối với doanh nghiệp. Do vậy nên bộ phận quản lý luôn quán triệt đội ngũ cán bộ công nhân viên phục vụ tận tình chu đáo, lấy phương châm “*Bán nhiều lãi ít còn hơn bán ít lãi nhiều*” luôn giữ mối giao thương với các bạn hàng và có những quyết sách điều chỉnh kịp thời khi thị trường có biến động. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại hàng hoá, vận chuyển và bốc xếp kịp thời nên được các bạn hàng và nhà cung cấp tin cậy.

Sau đây là một số chỉ tiêu cơ bản trong 2 năm gần đây của Công ty TNHH Thiên Lộc (2014-2015)

***Biểu số 2.1: Một số kết quả tài chính của Công ty TNHH Thiên Lộc trong 2 năm gần đây:***

*DVT: đồng*

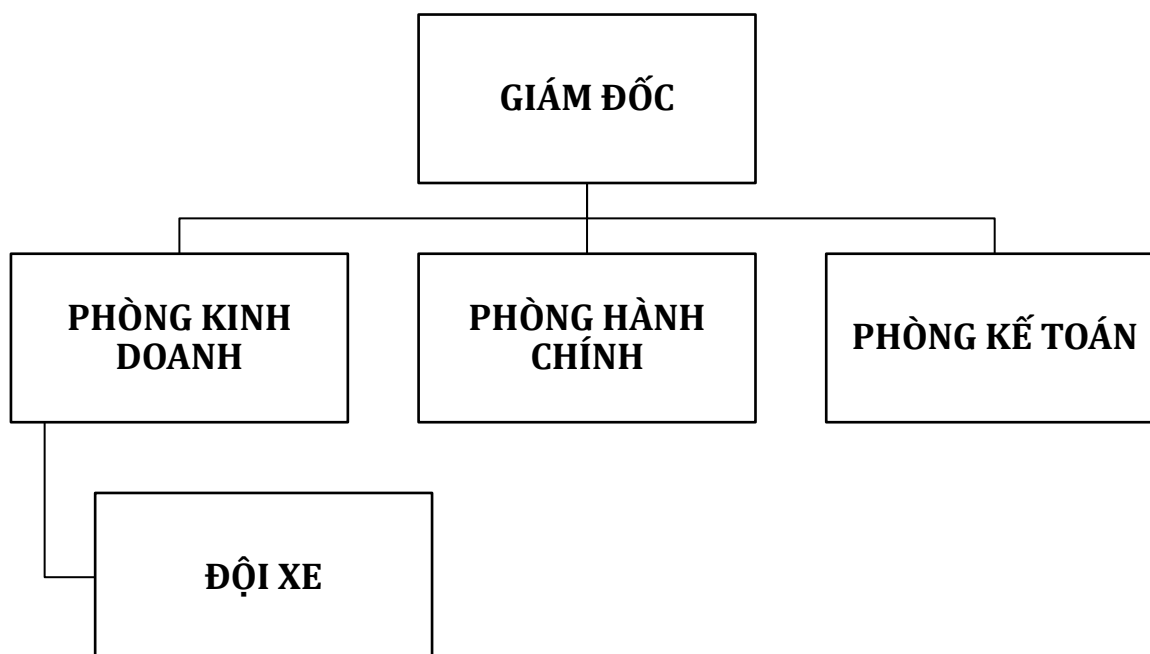
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.633.913.660	4.947.153.444
2.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.285.743)	59.651.203
3.Thu nhập bình quân đầu người/ năm	4.485.676	4.366.092

Qua số liệu trên ta nhận thấy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thiên Lộc năm 2015 so với năm 2014 đã có sự giảm sút về doanh thu và thu nhập bình quân. Nhưng công ty lại tăng lợi nhuận, điều này đã cho thấy sự cố gắng, nỗ lực của lãnh đạo cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Công ty TNHH Thiên Lộc.

### ***2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Thiên Lộc***

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của Công ty và đặc điểm của ngành vận tải, tổ chức bộ máy được tiến hành như sau: ***(Theo sơ đồ 2.1).***





*Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

❖ **Giám đốc:** Là người có quyền lực cao nhất trong Công ty. Giám đốc là người phụ trách chung tình hình kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công ty. Trong đó, đặc biệt là hoạt động của phòng kinh doanh và phòng kế toán tài vụ và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động kế toán tài chính của Công ty trước cơ quan quản lý của Nhà nước.

❖ **Phòng kinh doanh:** Lập kế hoạch kinh doanh, tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc, hỗ trợ các bộ phận khác về kinh doanh, lập kế hoạch. Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng.

❖ **Phòng hành chính:** Là phận có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc khi cần ra các quyết định quan trọng. Đồng thời đây cũng là bộ phận tuyển dụng nhân sự, đón tiếp khách hàng cũng như làm công tác văn thư hành chính tổng hợp.

❖ **Phòng kế toán:** Thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý, tham mưu cho ban giám đốc lập và thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và các báo cáo các quy định

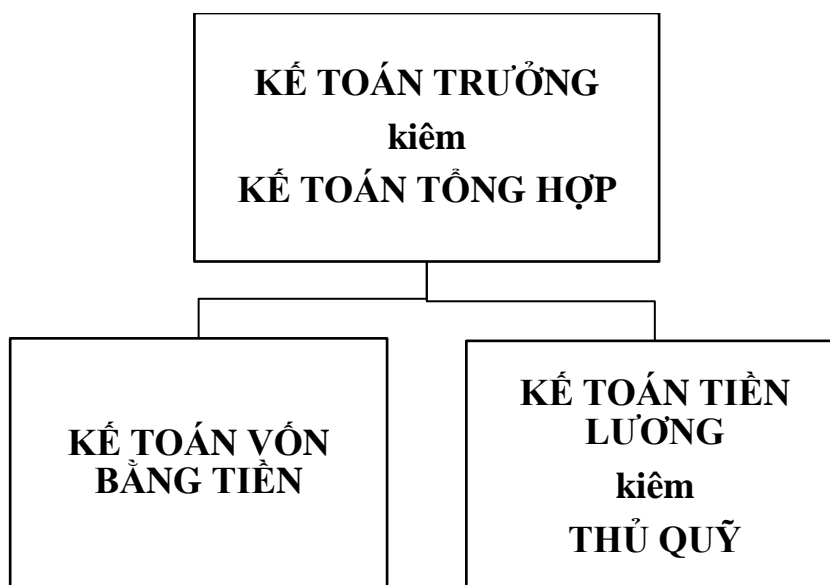
❖ **Đội xe:** Quản lý, sử dụng các chủng loại xe hoạt động, lập kế hoạch dự trù sửa chữa xe, quyết toán chi phí hàng tháng.

### 2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc

#### 2.1.3.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán (*Theo sơ đồ 2.2*)

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



**Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chắc chắn phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phần hành nghiệp vụ. Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.

✓ **Kế toán trưởng kiêm Kế toán tổng hợp:** là người được Giám đốc ủy quyền chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế ở Công ty theo cơ chế quản lý mới. Đồng thời có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên. Theo dõi đầy đủ

số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt (TM), tiền gửi ngân hàng (TGNH), tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong DN.

✓ **Kế toán vốn bằng tiền:** Theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của tiền mặt (1111) và tiền gửi ngân hàng (1121). Kiểm soát chứng từ đầu vào sao cho (hợp hệ, hợp pháp, hợp lý) để được tính chi phí hợp lý. Hướng dẫn cho các phòng ban về quy định hóa đơn, chứng từ cũng như cách lập biểu mẫu.

✓ **Kế toán tiền lương kiêm Thủ quỹ:** Có trách nhiệm lập bảng thanh toán lương của toàn thể công ty. Đồng thời theo dõi việc thu chi của công ty, chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt tại công ty có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho công nhân viên đúng hạn. Theo dõi việc giao dịch ngân hàng để đảm bảo việc kinh doanh của doanh nghiệp được liên tục.

#### 2.1.3.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc

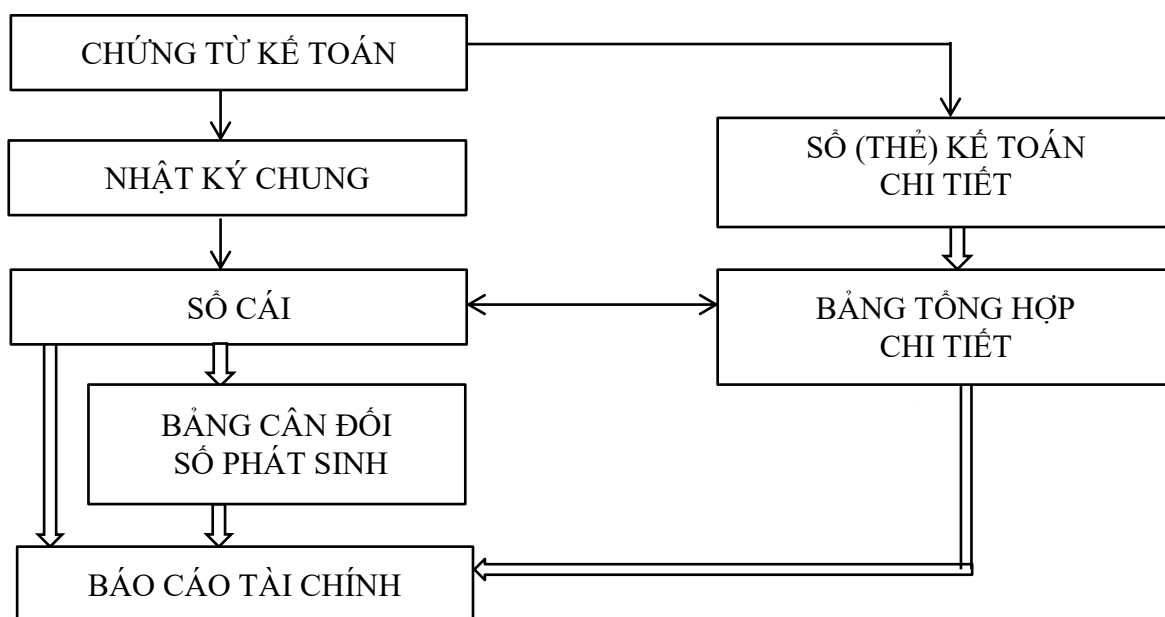
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. (*Theo sơ đồ 2.3*) cụ thể như sau:



**Chú thích:**

- > Ghi thường xuyên
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- =====> Đối chiếu số liệu

***Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ Nhật ký chung tại Công ty TNHH Thiên Lộc***

**2.1.3.3 Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

Công ty TNHH Thiên Lộc áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.

- ✓ Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm
- ✓ Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng
- ✓ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu trừ đường thẳng
- ✓ Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- ✓ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- ✓ Phương pháp tính giá xuất kho: nhập trước – xuất trước

**2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

**2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu thu
- ✓ GBC của ngân hàng
- ✓ Các chứng từ có liên quan khác

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 511

2.2.1.4 Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thiên Lộc

Khi nhận được hóa đơn, chứng từ liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ: Phiếu thu, Giấy báo có... kế toán cập nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 511. (Theo sơ đồ 2.4)



**Chú thích:**

—————> Ghi thường xuyên

=====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

*2.2.1.5 Ví dụ minh họa*

Ngày 10/12/2015, doanh thu tiền cước vận chuyển của Công ty Cổ phần Việt Ca, số tiền 29.040.000 đồng.

Căn cứ vào Bảng kê số 08 (**Biểu số 2.2**), kế toán lập hóa đơn số 926 (**Biểu số 2.3**). Từ hóa đơn, kế toán vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.4**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.5**)

**Biểu số 2.2: Bảng kê số 08/2015**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP  
Mã số thuế: 00200682913

Số: 08/PTT

Đính kèm hóa đơn số:

**BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN**

Từ 01/12/2015 đến 11/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày đóng, trả hàng	Cont size	Tuyến đường	Cước	VAT	Số File	Ghi chú
1	01/12/2015	40'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	3.500.000	350.000	LOG1608	
2	02/12/2015	40'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	3.500.000	550.000	LOG1609	
3	02/12/2015	40'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Đồng Văn	8.800.000	880.000	SI180928	
4	02/12/2015	20'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Thái Nguyên	4.500.000	450.000	TEG0976	
5	02/12/2015	20'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	3.575.000	357.500	TEG0977	
	...		...	...	...	...	
13	10/12/2015	40'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Đồng Văn	8.800.000	880.000	SE16093	
14	10/12/2015	40'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Đồng Văn	8.800.000	880.000	SE16094	
15	10/12/2015	40'	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Đồng Văn	8.800.000	880.000	SE16095	

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.3: HĐ GTGT 926 ngày 10 tháng 12 năm 2015**

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: nội bộ Ngày 10 tháng 12 năm 2015				Mẫu số: 01 GTKT3/001  Ký hiệu: AA/14P Số: <b>0000926</b>	
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THIÊN LỘC</b> Mã số thuế: <b>0200682913</b> Địa chỉ: Số 92 lô 22 Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng Điện thoại: Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: <b>Công ty Cổ phần Việt Ca</b> Mã số thuế: 0200687812 Địa chỉ: Số 1/44 Đường Phạm Phú Thứ, Phường hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng Hình thức thanh toán: <span style="float: right;">Số tài khoản:.....</span>					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Cước vận chuyển hàng kèm theo bảng kê số 08/2015 ngày 10/12/2015				26.400.000
Cộng tiền hàng :					26.400.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :		2.640.000	
Tổng cộng tiền thanh toán :					29.040.000
Số tiền bằng chữ : <i>Hai mươi chín triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)*



**Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòn g	SHT K đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
..	..	..	....			...	....	...
8/12	GBN 15/12	8/12	Thanh toán tiền trả Công ty Hoàng Việt			331	59.200.000	
						1121		59.200.000
10/12	PT 13/12	10/12	Công ty Hải Long thanh toán tiền cước vận chuyển			1111	10.780.000	
						511		9.800.000
						3331		980.000
10/12	HD 926	10/12	Phải thu tiền cước vận chuyển của Công ty Việt Ca			131	29.040.000	
						511		26.400.000
						3331		2.640.000
	...		...			...	....	....
31/12	PC 47/12	31/12	Chi tiền mặt trả lương cho công nhân viên			334	50.115.385	
						111		50.115.385
	...		...			...	....	....
			<b>Tổng</b>				<b>27.405.570.805</b>	<b>27.405.570.805</b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
	...		....			...
05/12	PT 09/12	05/12	Công ty Nam Phát thanh toán tiền hàng	1111		8.972.000
10/12	PT 13/12	10/12	Công ty Hải Long thanh toán tiền cước vận chuyển	1111		9.800.000
10/12	HĐ 926	10/12	Phải thu tiền cước vận chuyển của Công ty Việt Ca	131		26.400.000
17/12	PT 22/12	17/12	Công ty Nam phát thanh toán tiền hàng	1111		5.500.000
			.....	...		...
30/12	HĐ 1107	30/12	Phải thu tiền cước vận chuyển của Công ty Việt Ca	131		120.112.364
	...		....	...		.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.947.153.444</b>	<b>4.947.153.444</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

*HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)*

## 2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thiên Lộc

### 2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc

- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu kế toán..

### 2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc

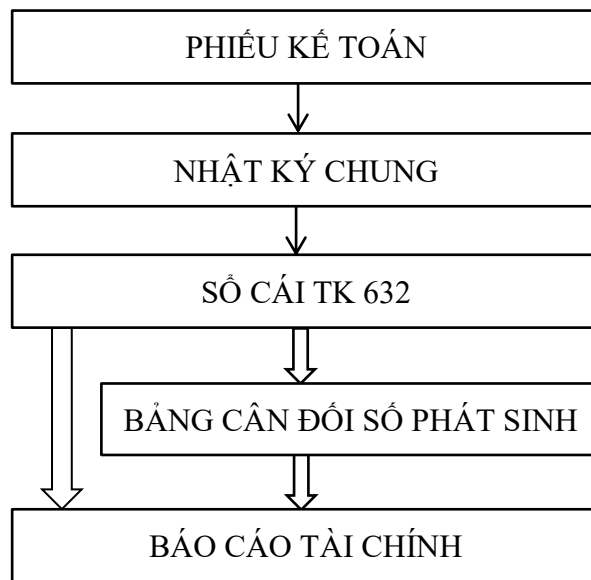
- TK 632: Giá vốn hàng bán

### 2.2.2.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 632

### 2.2.2.4 Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thiên Lộc

Khi nhận được Phiếu kế toán, kế toán cập nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 632. *(Theo sơ đồ 2.5)*



#### Chú thích:

—————> Ghi thường xuyên

=====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc**

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2015, Công ty tiến hành tập hợp chi phí vào TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632.

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 11/12 (**Biểu số 2.6**), kế toán vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.7**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 632 (**Biểu số 2.8**)

**Biểu số 2.6: Phiếu kế toán số 11/12**

**Công ty TNHH Thiên Lộc**

**Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2015

Số : 11/12

STT	DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG		SỐ TIỀN
		NỢ	CÓ	
1	Kết chuyển xác định giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2015	632	154	4.106.512.354
	<b>Cộng</b>			<b>4.106.512.354</b>

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.7: Sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòn g	SHT K đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
..	..	..	....			...	....	...
31/12	PC 45/12	31/12	Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông			642	700.000	
						133	70.000	
						1111		770.000
31/12	PC 46/12	31/12	Chi tiền mặt trông xe ô tô			642	1.550.000	
						133	155.000	
						1111		1.705.000
31/12	PC 47/12	31/12	Chi tiền mặt trả lương cho công nhân viên			334	50.115.385	
						1111		50.115.385
31/12	HĐ 1143	31/12	Mua xăng dầu chưa thanh toán			642	3.000.000	
						133	300.000	
						331		3.300.000
..	..	..	....			..	....	....
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2015			632	4.106.512.354	
						154		4.106.512.354
	...		...			...	....	....
			<b>Tổng</b>				<b>27.405.570.805</b>	<b>27.405.570.805</b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDĐK</u></b>			
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển xác định giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2015	154	4.106.512.354	
31/12	PKT 12/12	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả kinh doanh	911		4.106.512.354
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.106.512.354</b>	<b>4.106.512.354</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

### ***2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc***

#### *2.2.3.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

- ✓ HĐ GTGT
- ✓ Giấy báo Nợ ngân hàng
- ✓ Phiếu chi
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương
- ✓ Bảng thanh toán lương
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

#### *2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

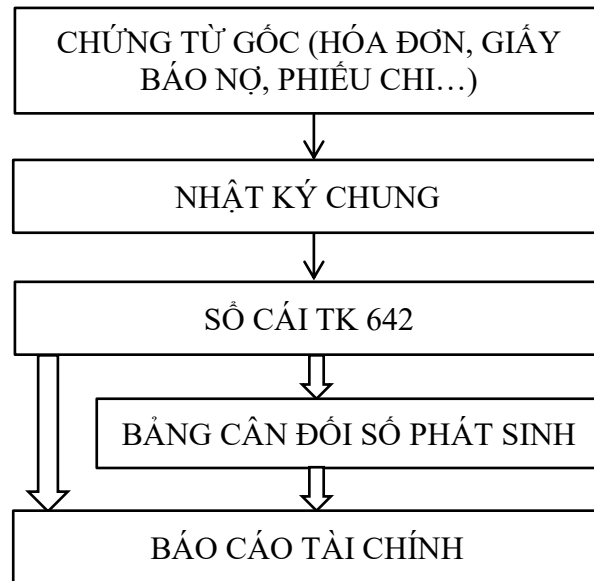
- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác có liên quan: 111,112...

#### *2.2.3.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 642

#### *2.2.3.4 Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

Khi nhận được hoá đơn, chứng từ liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ: Bảng tính tiền lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các hoá đơn chứng từ, Phiếu chi...kế toán cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642. **(Theo sơ đồ 2.6)**



**Chú thích:**

—————> Ghi thường xuyên

══════════> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

**2.2.3.5 Ví dụ minh họa**

Ví dụ 01: Ngày 31/12/2015, công ty TNHH Thiên Lộc nhận được hóa đơn thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông số tiền 700.000 đồng (chưa thuế GTGT) thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐGTGT số 1602 (**Biểu số 2.9**), kế toán lập phiếu chi (**Biểu số 2.10**) sau đó phản ánh vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.13**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.14**)

Ví dụ 02: Ngày 31/12/2015, công ty mua xăng dầu của Công ty Cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu để phục vụ cho quá trình vận chuyển, số tiền 83.771.880 đồng (Thuế GTGT 10%)



Căn cứ vào hóa đơn số 1143 (**Biểu số 2.11**), kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.12**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.13**)

**Biểu số 2.9: HĐ GTGT số 1602**

<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b>			Mẫu số: 01GTKT-2LN-03		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/2008T		
Từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015			Số: 001602		
MST: 0200287977					
Viễn thông Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Minh Khai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Thiên Lộc					
Địa chỉ: Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong- Ngô Quyền- Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200682913					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Kỳ cước tháng 12/2015				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				700.000
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				
	c.Chiết khấu+đa dịch vụ				
	d.Khuyến mại				
	e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				
Cộng tiền dịch vụ					700.000
Tiền thuế GTGT					70.000
Tổng cộng tiền thanh toán					770.000
<i>HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>					
Người nộp tiền			Đại diện giao dịch		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.10: Phiếu chi**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số 01-TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số:45/12

Nợ 6422: 700.000

Nợ 133: 70.000

Có 111: 770.000

**Họ và tên người nhận tiền:** Bùi Thị Nga

**Địa chỉ:** Nhân viên kế toán công ty TNHH Thiên Lộc

**Lý do chi:** Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông

**Số tiền:** 770.000 (Viết bằng chữ): Bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn

**Kèm theo:** HĐ GTGT **Chứng từ kế toán:** HĐ GTGT số 001602

**Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):** Bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):** Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 1143**

<p><b>HÓA ĐƠN</b></p> <p><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b></p> <p>Liên 2: Giao người mua</p> <p>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</p>	<p>Mẫu số: 01GTK3/002</p> <p>Ký hiệu: AA/15P</p> <p>Số: <b>0001143</b></p>				
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU</b></p> <p>Mã số thuế: <b>0200458904</b></p> <p>Địa chỉ: Số 66 Trần Khánh Dư, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 031.3836063 Fax: 031.3836152</p> <p>Số tài khoản: 2611100126008 Tại Ngân hàng Quân đội- PGD Trần Nguyên Hãn- HP</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Thiên Lộc</b></p> <p>Mã số thuế: <b>0200682913</b></p> <p>Địa chỉ: Số 92 Lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyền khoản:</p>					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
1	Dầu nhòn	lít	11	61.500	676.500
2	Dầu Diesel	lít	150	15.490	2.323.500
Cộng tiền hàng :					3.000.000
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT : 300.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					3.300.000
Số tiền bằng chữ : <i>Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn</i>					
<p><b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
..	..	..	....			...	....	...
8/12	GBN 15/12	8/12	Thanh toán tiền trả Công ty Hoàng Việt			331	59.200.000	
						1121		59.200.000
..	..	..	....			...	....	...
31/12	PC 45/12	31/12	Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông tháng 12/2015			642	700.000	
						133	70.000	
						111		770.000
31/12	PC 46/12	31/12	Chi tiền mặt trông xe			642	1.550.000	
						133	155.000	
						1111		1.705.000
31/12	PC 47/12	31/12	Chi tiền mặt trả lương cho công nhân viên			334	50.115.385	
						1111		50.115.385
31/12	HĐ 1143	31/12	Mua xăng dầu chưa thanh toán			642	3.000.000	
						133	300.000	
						331		3.300.000
	...		...			...	....	....
			<b>Tổng</b>				<b>27.405.570.805</b>	<b>27.405.570.805</b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.13: Sổ cái TK 642**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
	...		....		....	...
05/12	PC 09/12	05/12	Thanh toán tiền điện thoại	1111	230.166	
15/12	GBN 23/12	15/12	Ngân hàng thu phí	1121	21.000	
25/12	PC 28/12	25/12	Chi tiền mặt mua xăng dầu	1111	2.981.818	
	...		....		...	...
31/12	PC 45/12	31/12	Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông tháng 12/2015	111	700.000	
31/12	HĐ 1143	31/12	Mua xăng dầu chưa thanh toán	331	3.000.000	
31/12	PKT 12/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		643.803.021
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>643.803.021</b>	<b>643.803.021</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

## ***2.2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thiên Lộc***

### *2.2.4.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

- ✓ Phiếu thu
- ✓ Phiếu chi
- ✓ Giấy báo có
- ✓ Giấy báo nợ
- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

### *2.2.4.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

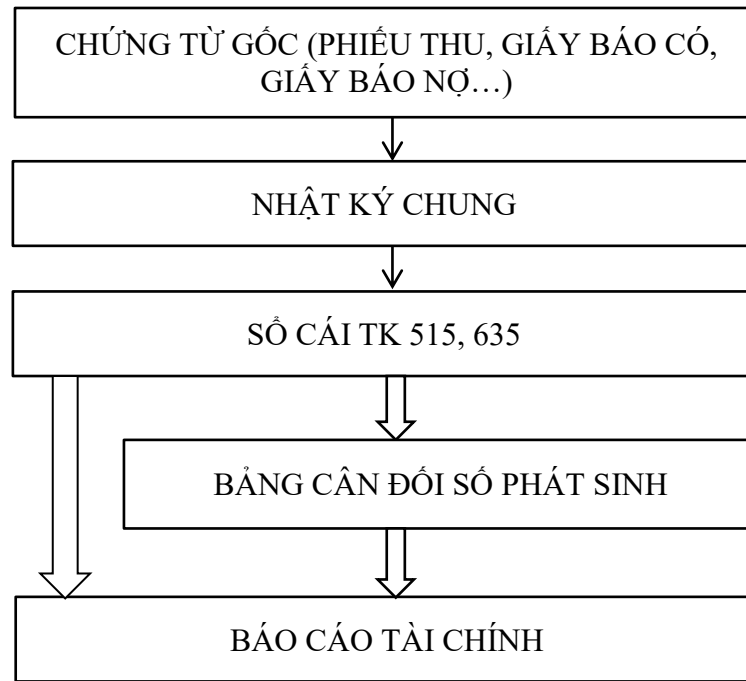
- TK 515: Doanh thu tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

### *2.2.4.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 515, 635

### *2.2.4.4 Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

Khi nhận được chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: Phiếu thu, Giấy báo nợ, Phiếu trả lãi tài khoản, Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh...kế toán cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515, 635. **(Theo sơ đồ 2.7)**



**Chú thích:**

—————> Ghi thường xuyên

══════════> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

***Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thiên Lộc***

**2.5.4.5 Ví dụ minh họa**

Ví dụ 01: Ngày 25/12/2015, Công ty TNHH Thiên Lộc nhận được giấy báo Có của ngân hàng TMCP Thương Tín về lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2015, số tiền là 8.075 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Có của Ngân hàng (**Biểu số 2.14**), kế toán vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.15**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.16**)

**Biểu số 2.14: Giấy báo Có của ngân hàng TMCP Thương Tín**

NH TMCP VIET NAM THUONG TIN

Chi nhánh VIETBANK – CN HAI PHONG

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Ma GDV:

Ma KH: 1056

So: 30/12

**Kính gửi: Công ty TNHH Thiên Lộc**

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 235507

Số tiền bằng số: 8.075,00

Số tiền bằng chữ: TÁM NGÀN KHÔNG TRĂM BẢY MƯƠI LĂM ĐỒNG CHẴN

Nội dung: lãi nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)*



**Biểu số 2.15: Sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
..	..	..	....			...	....	...
10/12	PT 13/12	10/12	Công ty Hải Long thanh toán tiền cước vận chuyển			1111 511 3331	10.780.000	9.800.000 980.000
10/12	HĐ 926	10/12	Phải thu tiền cước vận chuyển của Công ty Việt Ca			131 511 3331	29.040.000	26.400.000 2.640.000
	..		...			..	...	....
24/12	PC 28/12	24/12	Nộp tiền mặt ra ngân hàng			112 1111	11.000.000	11.000.000
25/12	GBN 33/12	25/12	Ngân hàng VietcomBank thu lãi			635 1121	1.661.111	1.661.111
25/12	GBC 30/12	25/12	Tiền lãi ngân hàng VietBank			1121 515	8.075	8.075
	...		...			...	....	....
			<b>Tổng</b>				<b>27.405.570.805</b>	<b>27.405.570.805</b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.16: Sổ cái TK 515**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
	..		....		...	...
19/12	GBC 24/12	19/12	Tiền lãi ngân hàng Công thương	1121		8.339
	..		....		...	...
25/12	GBC 30/12	25/12	Tiền lãi ngân hàng VietBank	1121		8.075
25/12	GBC 31/12	25/12	Tiền lãi ngân hàng Công Thương	1121		3.229
31/12	PKT1 13/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	955.591	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>955.591</b>	<b>955.591</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)


(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

Ví dụ 02: Ngày 25/12/2015, Công ty TNHH Thiên Lộc nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng Vietcom Bank về số tiền lãi phải trả, số tiền là 1.661.111 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ của Ngân hàng (**Biểu số 2.17**), kế toán vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.18**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 635 (**Biểu số 2.19**)

**Biểu số 2.17: Giấy báo nợ của ngân hàng VietcomBank ngày 25 tháng 12 năm 2015**

	<b>GIẤY BÁO NỢ</b>
	Ngày 25/12/2015 Ma GDV TRAN THI TUYET Ma KH 53652 So: 33/12
Kính gửi: Công ty TNHH Thiên Lộc Mã số thuế: 0200682913	
Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau: Số tiền bằng số: 1.661.111 Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn , một trăm mười một đồng Nội dung: Ngân hàng thu lãi	
Giao dịch viên (Ký, họ tên)	Kiểm soát (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHT K đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
..	..	..	....			...	....	...
8/12	GBN 15/12	8/12	Thanh toán tiền trả Công ty Hoàng Việt			331	59.200.000	
						1121		59.200.000
10/12	PT 13/12	10/12	Công ty Hải Long thanh toán tiền cước vận chuyển			1111	10.780.000	
						511		9.800.000
						3331		980.000
10/12	HĐ 926	10/12	Phải thu tiền cước vận chuyển của Công ty Việt Ca			131	29.040.000	
						511		26.400.000
						3331		2.640.000
..	..	..	....			...	....	...
24/12	PC 28/12	24/12	Nộp tiền mặt ra ngân hàng			112	11.000.000	
						1111		11.000.000
25/12	GBN 33/12	25/12	Ngân hàng VietcomBank thu lãi			635	1.661.111	
						1121		1.661.111
	...		...			...	....	....
			<b>Tổng</b>				<b>27.405.570.805</b>	<b>27.405.570.805</b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.19: Sổ cái TK 635**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 635- Chi phí tài chính**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
	...		...		...	...
25/11	GBN 32/11	25/11	Ngân hàng Vietcombank thu lãi	1121	2.019.121	
	..		...		...	
25/12	GBN 33/12	25/12	Ngân hàng Vietcombank thu lãi	1121	1.661.111	
31/12	PKT 12/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		123.229.657
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>123.229.657</b>	<b>123.229.657</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)*

### **2.2.5. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

Trong năm 2015, Công ty TNHH Thiên Lộc không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác

### **2.2.6. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

#### *2.2.6.1 Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

- ✓ Bảng kê kết quả kinh doanh
- ✓ Phiếu kế toán

#### *2.2.6.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

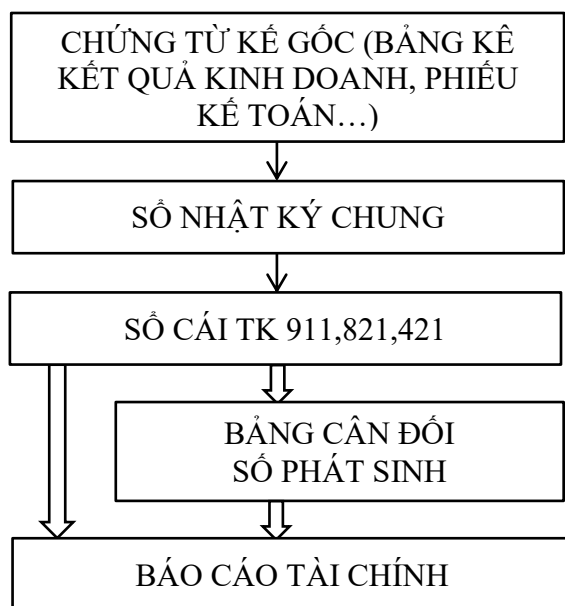
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

#### *2.2.6.3 Sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái các TK 911, 821, 421

#### *2.2.6.4 Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc*

Kế toán tại Công ty thực hiện các bút toán kết chuyển vào cuối kỳ. Mỗi một bút toán kết chuyển đều được ghi chép vào Sổ Nhật ký chung và các Sổ cái có liên quan như: Sổ cái TK 511, 632, 635, 642 (**Theo sơ đồ 2.8**)



**Chú thích:**

- > Ghi thường xuyên
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- =====> Đôi chiếu số liệu

**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

**Biểu số 2.20: Bảng kê xác định kết quả kinh doanh năm 2015**

**BẢNG KÊ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015**

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.947.153.444
2.Doanh thu hoạt động tài chính	955.591
3.Giá vốn hàng bán	4.106.512.354
4.Chi phí hoạt động tài chính	123.229.657
5.Chi phí quản lý kinh doanh	643.803.021
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.962.800
7.Lợi nhuận chưa phân phối	59.601.203

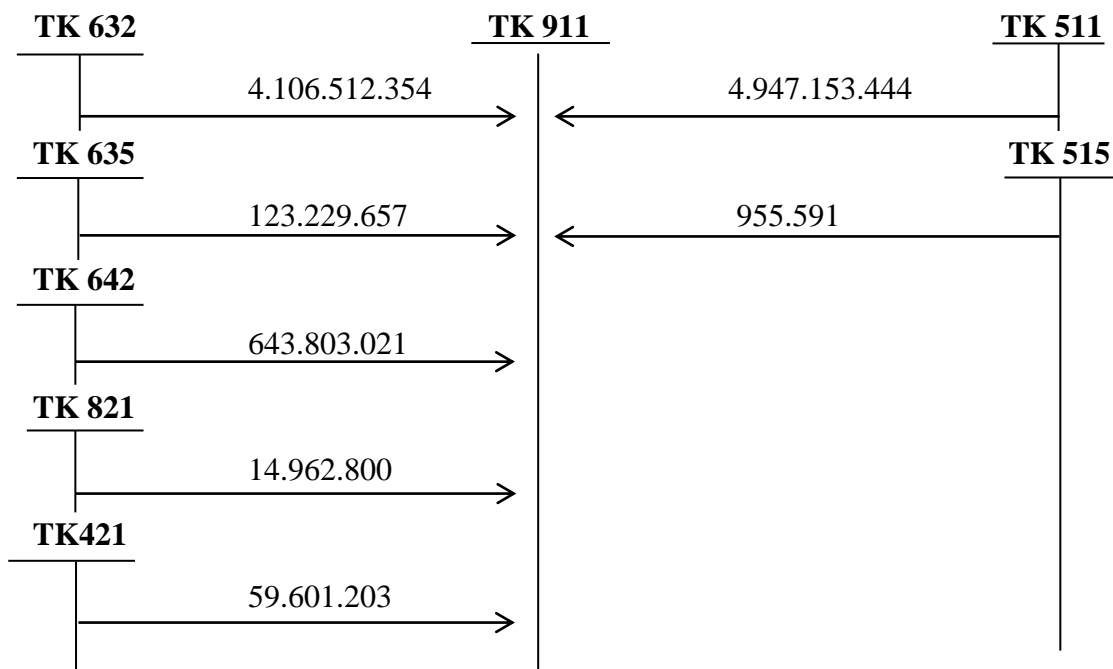
Kế toán trưởng

Người lập

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)



**Sơ đồ 2.9: Sơ đồ chữ T hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.21: Phiếu kế toán số 12/12**

**Công ty TNHH Thiên Lộc**

**Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2015

**Số 12/12**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu	511	911	4.947.153.444
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	955.591
	<b>Cộng</b>			<b>4.948.109.035</b>

Kế toán trưởng

Người lập



(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 13/12**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2015

**Số 13/12**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	4.106.512.354
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	123.229.657
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	643.803.021
	<b>Cộng</b>			<b>4.873.545.032</b>

Kế toán trưởng

Người lập

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 14/12**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2015

**Số 14/12**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế TNDN	911	821	14.962.800
	<b>Cộng</b>			<b>14.962.800</b>

Kế toán trưởng

Người lập

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 15/12**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2015

**Số 15/12**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	14.962.800
	<b>Cộng</b>			<b>14.962.800</b>

Kế toán trưởng

Người lập

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 16/12**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31/12/2015

**Số 16/12**

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	LN chưa phân phối năm nay	911	421	59.601.203
	<b>Cộng</b>			<b>59.601.203</b>

Kế toán trưởng

Người lập

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
..	..	..	....			...	....	...
31/12	PKT 12/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính năm 2015			511	4.947.153.444	
						515	955.591	
						911		4.948.109.035
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh năm 2015			911	4.947.153.444	
						632		4.106.512.354
						635		123.229.657
						642		643.803.021
31/12	PKT 14/12	31/12	Chi phí thuế TNDN năm 2015			911	14.962.800	
						821		14.962.800
31/12	PKT 15/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2015			821	14.962.800	
						3334		14.962.800
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển lãi năm 2015			911	59.601.203	
						421		59.601.203
			<b>Tổng</b>				<b>27.405.570.805</b>	<b>27.405.570.805</b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
	...		....		...	...
31/12	PKT 12/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính năm 2015	511		4.947.153.444
				515		955.591
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh năm 2015	632	4.106.512.354	
				635	123.229.657	
				642	643.803.021	
31/12	PKT 14/12	31/12	Chi phí thuế TNDN năm 2015	821	14.962.800	
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển lãi năm 2015	421	59.601.203	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.948.109.305</b>	<b>4.948.109.305</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.28: Sổ cái TK 821**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
31/12	PKT 14/12	31/12	Chi phí thuế TNDN năm 2015	911	14.962.800	
31/12	PKT 15/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2015	3334		14.962.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>14.962.800</b>	<b>14.962.800</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.29: Sổ cái TK 421**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			—
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển lãi năm 2015	911		59.601.203
			<b>Cộng phát sinh</b>			59.601.203
			<b><u>SDCK</u></b>			<b><u>59.601.203</u></b>

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)

**Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả kinh doanh**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Niên độ tài chính năm 2005

Mã số thuế: **0200682913**

Người nộp thuế: **Công ty TNHH Thiên Lộc**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.947.153.444	5.633.913.660
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>4.947.153.444</b>	<b>5.633.913.660</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		4.106.512.354	5.321.712.788
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>840.641.090</b>	<b>312.200.872</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		955.591	241.987
7	Chi phí tài chính	22		123.229.657	54.364.584
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		643.803.021	393.916.425
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=21+21-22-24)</b>	<b>30</b>		<b>74.564.003</b>	<b>(135.838.150)</b>
10	Thu nhập khác	31		0	305.454.545
11	Chi phí khác	32		0	192.902.138
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>112.552.407</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>74.564.003</b>	<b>(23.285.743)</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51		14.912.800	0

<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>59.601.203</b>	<b>(23.285.743)</b>
-----------	---	-----------	-------------------	---------------------

Người ký: GD Trần Quốc Bình

Ngày ký: 21/02/2016

*(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH Thiên Lộc)*

### **CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIÊN LỘC.**

#### **3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

Trong những năm gần đây, mặc dù thị trường luôn biến động bất ổn, gây ra nhiều khó khăn cho các Doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Thiên Lộc nói riêng. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn và đồng thời gặt hái nhiều thành công trong ngành vận tải.

Để thành công như ngày hôm nay, Công ty TNHH Thiên Lộc đã đưa ra rất nhiều chính sách phù hợp với thị trường như: mở rộng, khai thác các thị trường mới, thị trường tiềm năng; tạo mối quan hệ với khách hàng mới cũng như tri ân các khách hàng quen thuộc để tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng,... Bên cạnh đó không thể không kể đến các phòng ban trong công ty, điển hình là phòng kế toán đã góp phần không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty. Các bộ máy tổ chức của công ty rất hợp lý, hoạt động hiệu quả làm công ty đạt được những kết quả tốt. Đồng thời, công ty luôn chấp hành theo đúng các chế độ kế toán hiện hành, đúng theo quy định của Bộ tài chính. Hằng năm giám đốc đưa ra các định hướng, mục tiêu đúng đắn, những đối sách phù hợp với nền kinh tế để hoạt động kinh doanh của công ty tốt hơn. Tất cả những điều trên đã làm cho Công ty TNHH Thiên Lộc trở thành Công ty có tên tuổi trong ngành vận tải.



### 3.2 Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc

#### 3.2.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc

- **Tổ chức bộ máy quản lý:** Là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tổ chức một bộ máy quản lý của Công ty gọn nhẹ, giảm tối đa các bộ phận gián tiếp, các phòng ban có quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Từng nhân viên gắn bó vào các công việc chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm, phát huy được năng lực sở trường để thực hiện được công việc có hiệu quả cao.

- **Tổ chức bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nên đảm bảo tính tập trung, thống nhất, chặt chẽ với công tác kế toán, phù hợp với quy mô của Công ty. Mỗi kế toán viên thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

+ **Kế toán trưởng:** Là người chỉ đạo toàn diện, tất cả những phần hành kế toán đều được tập trung và thống nhất bởi kế toán trưởng. Vì thế sự sai sót hay nhầm lẫn của công tác tổ chức kế toán đã được giảm thiểu. Dù cho mỗi phần hành kế toán là một nhân viên kế toán được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm.

+ **Nhân viên kế toán** đa phần là những người có kinh nghiệm, tận tình và có trách nhiệm với công việc được giao. Đồng thời bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách thống nhất, khoa học từ kế toán trưởng trở xuống. Lượng công việc được phân công phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người.

- **Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là một hình thức đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

- **Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách:** Công ty sử dụng chứng từ theo “Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ” được ban hành theo Quyết

định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/09/2006 sửa đổi theo Thông tư số 138/2011/TT-BTC.

+ Các chứng từ sử dụng để hạch toán đều đầy đủ chữ ký của các bên liên quan, chính xác so với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, biểu mẫu phù hợp với quy định của bộ tài chính. Điều đó dễ dàng cho công tác kiểm tra đối chiếu số liệu thực tế với trên sổ sách.

+ Việc ghi chép nghiệp vụ phát sinh rất khoa học, hợp lý. Việc hạch toán sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung khá là đơn giản và thông dụng, giúp kế toán dễ dàng ghi chép các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.

+ Công ty luôn cập nhật những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành giúp công tác kế toán tiến hành chính xác, tránh nhầm lẫn, sai sót xảy ra.

+ Tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh về doanh thu và chi phí đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác, nhanh chóng. Điều đó giúp công ty có thể cân đối khoản thu chi.

+ Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về tình hình kinh doanh của công ty, đáp ứng được yêu cầu của Ban Giám đốc Công ty.

### ***3.2.2 Những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc***

✧ *Công ty chưa tiến hành theo dõi kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng*

Hiện nay, tại Công ty TNHH Thiên Lộc còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả từng mặt hàng còn gặp phải một số khó khăn, làm cho công tác quản trị không sát thực, chưa thực sự giúp doanh nghiệp có những hướng phát triển đúng.

✧ *Công ty mở sổ chi tiết theo dõi công nợ chưa được khoa học*

Hiện nay khi theo dõi công nợ của khách hàng, công ty chỉ theo dõi chung trên một sổ chi tiết dẫn đến việc theo dõi còn gặp nhiều khó khăn.

✧ *Công ty chưa lập sổ chi tiết theo dõi tiền gửi ngân hàng*

Hiện nay, Công ty đang giao dịch với 3 ngân hàng và khi theo dõi tiền gửi ngân hàng Công ty mới chỉ theo dõi trên sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái TK 112) mà chưa mở sổ chi tiết cho từng ngân hàng.

✧ *Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán*

Tại Công ty TNHH Thiên Lộc, mặc dù kế toán đã sử dụng Excel, Word để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xây dựng một số phần hành.

Nhưng thỉnh thoảng vẫn có những sai sót xảy ra vì việc ghi chép còn thủ công, mà lượng công việc lại lớn. Trong thời buổi hiện nay, Khoa học-Công nghệ thông tin càng ngày càng phát triển, áp dụng cho hầu hết những ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, việc sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán sẽ mang lại hiệu quả rất cao trong công việc. Khi sử dụng phần mềm kế toán để lưu trữ dữ liệu và sổ sách kế toán, thì nhân viên kế toán của từng phòng ban phải phụ trách việc nhập số liệu trung thực, phản ánh một cách nhanh chóng và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ. Từ đó, sẽ giảm thiểu áp lực đối với nhân viên kế toán khi lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính. Cũng như đã giúp cho ban giám đốc dễ dàng nắm bắt kịp thời tình hình tài chính của Công ty, để nhanh chóng đưa ra quyết định đúng đắn nhất cho sự phát triển trong tương lai của Công ty.

### **3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Lộc**

Sau một thời gian tìm hiểu tại Công ty, em đã nắm được tình hình thực tế, ưu nhược điểm còn tồn tại ở Công ty. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm khắc phục những hạn chế đã nêu trên để công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên hoàn thiện hơn.

#### **3.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên sử dụng hệ thống tài khoản kế toán cấp 2 trong hạch toán doanh thu, chi phí để xác định KQKD theo từng dịch vụ.**

Để tiện cho việc theo dõi chi tiết theo từng dịch vụ vận tải, kế toán có thể sử dụng tài khoản cấp 2 để theo dõi doanh thu, giá vốn theo từng dịch vụ vận tải.

Dịch vụ vận tải của Công ty có thể phân loại theo từng loại trọng lượng xe cụ thể như: loại 10 tấn, loại 5 tấn...Khi đó, kế toán sẽ mở sổ chi tiết TK 511, TK 632 theo từng hoạt động cung cấp dịch vụ. Qua đó sẽ xác định được KQKD theo từng loại dịch vụ công ty sẽ biết được loại dịch vụ nào đem lại doanh thu cao hơn. Và cung cấp thông tin nhiều hơn, ý nghĩa hơn nhằm thỏa mãn tốt yêu cầu của công tác quản lý, đảm bảo công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD cho từng dịch vụ được thực hiện.

Công ty có thể mở các tài khoản chi tiết như sau:

a) TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- TK 5113.1: Doanh thu xe 10 tấn
- TK 5113.2: Doanh thu xe 5 tấn

b) TK 632: Giá vốn hàng bán

- TK 632.1: Giá vốn hàng bán xe 10 tấn
- TK 632.2: Giá vốn hàng bán xe 5 tấn

**3.3.2 Ý kiến thứ hai: Công ty nên lập báo cáo KQKD theo từng dịch vụ**

Công ty TNHH Thiên Lộc nên mở sổ chi tiết doanh thu, giá vốn và lập báo cáo KQKD theo từng đối tượng dịch vụ. Từ đó, có cơ sở khoa học để thay đổi tỷ trọng dịch vụ vận tải cho phù hợp với nhu cầu và sự phát triển của thị trường và tăng KQKD của Công ty. Dựa vào Sổ chi tiết doanh thu (**Biểu số 3.1**) và (**Biểu số 3.2**), Sổ chi tiết giá vốn (**Biểu số 3.3**) và (**Biểu số 3.4**) và Báo cáo KQKD theo từng mặt hàng (**Biểu số 3.5**)

**Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu 5113.1**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU**

Tài khoản: 5113.1

Tên dịch vụ: Xe 10 tấn

Tháng 12 Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu				Các khoản tính trừ
	SH	NT		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
						Nợ	Có	
01/12	HD 810	01/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	9	3.500.000		31.500.000	
02/12	HD 811	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	5	3.500.000		17.500.000	
02/12	HD 812	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Đồng Văn	4	8.800.000		35.200.000	
03/12	HD 815	03/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Nội Hoàng	8	3.600.000		28.800.000	
04/12	HD 817	04/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Văn Trung	7	4.000.000		28.000.000	
	...		...		...		...	
			<b>Cộng</b>			<b>320.869.557</b>	<b>320.869.557</b>	

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.2: Sổ chi tiết doanh thu 5113.2**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU**

Tài khoản: 5113.2

Tên dịch vụ: Xe 5 tấn

Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu				Các khoản tính trừ
	SH	NT		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
						Nợ	Có	
02/12	HĐ 813	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Thái Nguyên	1	4.500.000		4.500.000	
02/12	HĐ 814	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	1	3.575.000		3.575.000	
03/12	HĐ 816	03/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- KCN Nội Hoàng	2	3.600.000		7.200.000	
04/12	HĐ 818	04/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Hải Dương	1	2.800.000		2.800.000	
05/12	HĐ 819	05/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Hưng Yên	3	3.000.000		9.000.000	
	...		...		...		...	
			<b>Cộng</b>			<b>199.278.555</b>	<b>199.278.555</b>	

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.3: Sổ chi tiết giá vốn 632.1**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN**

Tài khoản: 632.1

Tên dịch vụ: Xe 10 tấn

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Giá vốn			
	SH	NT		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
01/12	GTĐM	01/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	9	2.975.000	26.775.000	
02/12	GTĐM	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	5	2.975.000	14.875.000	
02/12	GTĐM	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Đông Văn	4	7.480.000	29.920.000	
03/12	GTĐM	03/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Nội Hoàng	8	3.060.000	24.480.000	
04/12	GTĐM	04/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Văn Trung	7	3.400.000	23.800.000	
	...		...		...	...	...
			<b>Cộng</b>			<b>266.578.610</b>	<b>266.578.610</b>

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.4: Sổ chi tiết giá vốn 6.3.2**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN**

Tài khoản: 632.2

Tên dịch vụ: Xe 5 tấn

Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Giá vốn			
	SH	NT		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
02/12	GTĐM	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Thái Nguyên	1	3.825.000	3.825.000	
02/12	GTĐM	02/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Bắc Ninh	1	3.039.000	3.039.000	
03/12	GTĐM	03/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- KCN Nội Hoàng	2	3.060.000	6.120.000	
04/12	GTĐM	04/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Hải Dương	1	2.380.000	2.380.000	
05/12	GTĐM	05/12	Hàng vận chuyển từ Hải Phòng- Hưng Yên	3	2.550.000	7.650.000	
	...		...		...	...	
			<b>Cộng</b>			<b>202.722.865</b>	<b>202.722.865</b>

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 3.5: Báo cáo KOKD theo từng dịch vụ**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG DỊCH VỤ**

Tháng 12 Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên dịch vụ	Doanh thu	Giá vốn		Lãi gộp		Ghi chú
			Thành tiền	Tỷ trọng	Thành tiền	Tỷ trọng	
1	Xe 10 tấn	320.869.557	270.578.610	84,3%	54.290.947	15,7%	
2	Xe 5 tấn	199.278.555	198.722.865	99,7%	(3.444.310)	0,3%	
	<b>Cộng</b>	<b>520.148.112</b>	<b>469.301.475</b>		<b>50.846.637</b>		

**3.3.3 Ý kiến thứ ba: Công ty mở sổ theo dõi chi tiết công nợ phải thu theo từng khách hàng**

Lấy ví dụ 2.2.1.5 ở chương 2

Ngày 10/12/2015, doanh thu tiền cước vận chuyển của Công ty cổ phần Việt Ca, số tiền 29.040.000 đồng

Dựa vào hóa đơn GTGT, kế toán lập Sổ chi tiết thanh toán thanh toán người mua (**Biểu số 3.6**) và Bảng tổng hợp thanh toán người mua (**Biểu số 3.7**). Sau khi lập Bảng tổng hợp người mua, kế toán đối chiếu với Sổ cái TK 131 để dễ dàng theo dõi tình hình công nợ đối với Công ty.

**Biểu số 3.6: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)**

Công ty TNHH Thiên Lộc  
Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

Mẫu số S13-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty Cổ phần Việt Ca

Tháng 12 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn CK	SHTK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>			—			
10/12	HĐ 926	10/12	Tiền cước vận chuyển của Công ty Việt Ca		511	26.400.000		26.400.000	
					3331	2.640.000		29.040.000	
			Cộng phát sinh			29.400.000	—	29.400.000	
			<b>Số dư cuối tháng</b>					<b><u>29.400.000</u></b>	

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.7: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Tài khoản: 131

Tháng 12 Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...	...	...	...	...	...	...
4	Công ty CP Việt Ca	—		29.040.000		29.040.000	
5	Công ty Long Hải	207.660.900		72.080.000		279.740.900	
6	Công ty Long Việt	—			102.584.000		102.584.000
	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>1.460.965.292</b>	<b>11.623.225</b>	<b>4.551.044.207</b>	<b>4.422.369.932</b>	<b>1.523.140.406</b>	<b>56.124.064</b>

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

### ***3.3.4 Ý kiến thứ tư: Công ty nên mở sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng theo từng ngân hàng***

*Lấy ví dụ 2.5.4.5 ở chương 2*

Ngày 25/12/2015, Công ty TNHH Thiên Lộc nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng Vietcom Bank về số tiền lãi phải trả, số tiền là 1.661.111 đồng

Dựa vào Giấy báo Nợ, Giấy báo Có..., kế toán lập Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (***Biểu số 3.8***) và Bảng tổng tiền gửi ngân hàng (***Biểu số 3.9***). Sau khi lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng, kế toán đối chiếu với Sổ cái 112.

**Biểu số 3.8: Sổ chi tiết theo tài khoản**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**Mẫu số S20-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THEO TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 112

Đối tượng: Ngân hàng Vietcom Bank

Tháng 12 Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>				<b><u>610.000</u></b>	
01/12	GBC01	01/12	Rút TM gửi ngân hàng	1111	9.000.000		9.500.000	
	...		....		....	...	...	....
22/12	GBC28	22/12	Công ty Long An tt tiền hàng	131	1.200.000		1.362.094	
25/12	GBN29	25/12	Rút TM gửi ngân hàng	1111	11.000.000		12.362.094	
25/12	GBN30	25/12	Công ty trả lãi ngân hàng	635		1.661.111	10.700.983	
			Cộng phát sinh		2.800.156.873	2.790.065.890		
			<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>10.700.983</u></b>	

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.9: Bảng tổng hợp theo tài khoản**

Công ty TNHH Thiên Lộc

Số 92 lô 22 Lê Hồng Phong-NQ-HP

**BẢNG TỔNG HỢP THEO TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 112

Tháng 12 Năm 2015

*Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Đối tượng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ngân hàng Vietcom Bank	610.000		2.800.156.873	2.790.065.890	10.700.983	
2	Ngân hàng Công Thương	542.220		1.890.777.098	1.890.763.457	555.861	
3	Ngân hàng VietBank	950.000		3.163.076.118	3.158.171.848	5.854.270	
	<b>Cộng</b>	<b><u>2.102.220</u></b>		<b>7.854.010.089</b>	<b>7.839.001.195</b>	<b><u>17.111.114</u></b>	

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)



### ***3.3.5 Ý kiến thứ năm: Công ty nên sử dụng phần mềm tin học trong công tác kế toán***

Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin thì phần mềm kế toán cũng được ứng dụng nhiều vào bộ phận quản lý của doanh nghiệp. Việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán có rất nhiều ưu điểm: có thể sử dụng cho nhiều loại hình doanh nghiệp như sản xuất, thương mại – dịch vụ, xây lắp; giảm thiểu thời gian và công sức làm việc cho nhân viên kế toán...mang lại hiệu quả cao cho công tác kế toán cũng như quản lý tại Công ty. Đây là một bước nhảy vọt của công nghệ thông tin trong việc phát triển các ngành nghề kinh doanh trong và ngoài nước, thúc đẩy nền kinh tế ngày một phát triển hơn nữa.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Hoặc công ty có thể mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Sau đây là một số phần mềm kế toán mà công ty có thể sử dụng:

#### **a) Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015**

MISA. NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

#### **\*\*Một số điểm nổi bật của phần mềm kế toán MISA:**

- **Phân tích tài chính:** Cung cấp tức thời nhiều biểu đồ phân tích, hệ thống báo cáo quản trị giúp Giám đốc nắm bắt nhanh chóng, chính xác các thông tin về sức khỏe của Doanh nghiệp.

- **Phân hệ quỹ:** Dễ dàng tạo mẫu Phiếu thu, Phiếu chi theo đặc thù doanh nghiệp, in theo khổ A4, A5 hoặc giấy cuộn. Dự báo dòng tiền thu, chi trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.



- **Phân hệ mua hàng:** Tự động phân bổ chi phí mua hàng, chi phí hải quan, hạch toán các khoản chiết khấu thương mại, theo dõi chi tiết công nợ phải trả theo từng hóa đơn.
- **Phân hệ bán hàng:** Cho phép thiết lập chính sách giá bán và chiết khấu cho từng khách hàng, mặt hàng, theo dõi chiết khấu theo tổng giá trị hóa đơn. Lập kế hoạch thu nợ, theo dõi nợ theo từng giai đoạn, hóa đơn, khách hàng, tự động tính lãi nợ quá hạn.
- **Phân hệ quản lý hóa đơn:** Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành in và sử dụng hóa đơn. Theo dõi thông báo phát hành đối với tem, vé, phiếu nhập kiêm vận chuyển nội bộ.
- **Phân hệ kho:** Tính giá xuất kho theo nhiều phương pháp: Đích danh, Nhập trước xuất trước, Bình quân cuối kỳ, Bình quân tức thời. Quản lý hàng hóa theo mã vạch, số lô, hạn dùng, mã quy cách, đặc tính sản phẩm, quy đổi theo nhiều đơn vị tính
- **Phân hệ lương:** Chấm công, lập bảng chấm công và tính lương theo thời gian, sản phẩm... Tính lương cơ bản theo hệ số và mức lương tối thiểu hoặc tính lương cơ bản theo lương thỏa thuận của nhân viên.
- **Phân hệ hợp đồng:** Quản lý hợp đồng theo dự án, bộ phận kinh doanh, nhân viên kinh doanh, thị trường. Theo dõi các khoản dự kiến chi, thực chi, tình hình thanh toán và tự động xác định lãi lỗ theo từng hợp đồng, dự án.
- **Phân hệ tài sản cố định:** Tự động khấu hao chi tiết đến từng Tài sản cố định. Tự động phân bổ chi chi khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Cho phép lập biên bản kiểm kê tài sản cố định và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.
- **Phân hệ Công cụ dụng cụ:** Phân bổ chi phí một lần hoặc nhiều lần cho từng Công cụ dụng cụ theo từng đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành, lãi lỗ kinh doanh. Cho phép lập biên bản kiểm kê Công cụ dụng cụ và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê

- **Phân hệ Giá thành:** Tính giá thành và đánh giá sản phẩm dở dang theo nhiều phương pháp. Tự động phân bổ chi phí cho từng đối tượng tập hợp chi phí.
- **Phân hệ Thuế:** Tự động lập bảng thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai.. in tờ khai, báo cáo thuế có mã vạch. Xuất khẩu báo cáo thuế định dạng XML, nộp báo cáo thuế qua mạng trực tiếp đến cơ quan thuế qua MTAX.VN
- **Phân hệ Ngân sách:** Lập dự toán chi ngân sách theo từng chi nhánh, phòng ban. Thống kê chi phí theo từng khoản mục chi phí. Phân tích hiệu quả quản lý chi phí của từng bộ phận, chi nhánh.
- **Phân hệ Tổng hợp:** Tự động kết chuyển lãi lỗ để xác định kết quả kinh doanh. Lập đồng thời hai bộ sổ kế toán (Tài chính và Quản trị) trên cùng một dữ liệu. Tự động lập báo cáo tài chính tổng hợp cho công ty đa chi nhánh.

#### **b)Phần mềm kế toán Smart Pro**

✓ Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET, xử lý số liệu tốc độ cực nhanh và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang một file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất, không sợ virus làm hư data.

✓ Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể thực hiện được. Hình thức nhập số liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập liệu mà không chia phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở danh mục hồ sơ ra xem.

#### **c)Phần mềm kế toán Olink**

✓ Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#. NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.

✓ Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty- Công ty thành viên- Chi nhánh.

✓ Tính linh động, dễ chỉnh sửa: cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.

✓ Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.

✓ Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng một thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.

✓ Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.

✓ Kết xuất dữ liệu ra bộ đĩa office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.

✓ Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7.

✓ Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con...)

⇒ Theo em, Công ty nên mua phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015. Bởi vì phần mềm này rất phù hợp với tính chất đặc thù của ngành kế toán, rất dễ sử dụng, tính bảo mật cao và phù hợp với cấu hình nhiều máy và chi phí mua phù hợp với điều kiện Công ty hiện nay.

## KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc” đã nêu được vấn đề sau:

- Về mặt lý luận:  
Khóa luận hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn:
  - Đã phản ánh thực trạng khách quan công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc năm 2015.
  - Đồng thời đưa ra được những ưu nhược điểm trong công tác tổ chức kế toán cũng như trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc.
  - Từ việc đối chiếu giữa thực tiễn và lý luận cơ bản, khóa luận đã đưa ra những ý kiến mang tính khả thi rất cao nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc.

Do kiến thức và khả năng còn hạn chế, thời gian nghiên cứu ngắn nên bài khóa luận của em còn rất nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến anh chị phòng Tài chính kế toán của Công ty đã giúp đỡ em rất nhiều trong thời gian qua. Và em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương cùng toàn thể thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh, nhà trường đã hướng dẫn em tận tình, tạo điều kiện để em hoàn thành khóa luận này một cách thuận lợi.

Sinh viên

Nguyễn Thị Lan Anh

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp 2015 (Quyển 1- 2) – Bộ Tài chính– Nhà xuất bản Tài chính (2015).
2. Kế toán Tài chính (Tái bản Lần thứ 8) – Nhiều tác giả - NXB Kinh tế TP. HCM.
3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính- Nhiều tác giả - NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.
4. Trần Xuân Nam – Bộ sách tài chính kế toán – NXB Tài chính (2015)
5. Website: [ketoanthucte.com](http://ketoanthucte.com) , [ketoanthienung.net](http://ketoanthienung.net)
6. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Lộc: Sổ sách, chứng từ kế toán